

Phụ lục 21

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA PGS.TS.KTS TRẦN TRỌNG HANH

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<b>Nhận xét chung</b>	
1	1. Hồ sơ QHT Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về cơ bản đã phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Nhất trí
2	2. Quá trình lập QHT Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch	Nhất trí
3	3. Trong nội dung quy hoạch tỉnh, đã xử lý tích hợp các quy hoạch cấp trên và các quy hoạch do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các Sở, Ngành và địa phương trong Tỉnh.	Nhất trí
4	4. Nội dung quy hoạch cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	Nhất trí
5	5. Một vấn đề tồn tại chủ yếu là: (i) Sắp xếp bố cục, nội dung nghiên cứu của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, (ii) Một số kết quả nghiên cứu các phương án quy hoạch tỉnh cần được làm rõ, chỉnh sửa, bổ sung; (iii) Hình thức thể hiện hồ sơ và hệ thống các sơ đồ, bản đồ quy hoạch. Những vấn đề trên sẽ được đánh giá tại phần	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình từng nội dung cụ thể tại phần Nhận xét cụ thể
	<b>Nhận xét cụ thể</b>	
	<b>2.1. Về bố cục và nội dung của Báo cáo tổng hợp QHT</b>	
	<i>2.1.1. Bố cục chung</i>	
6	Về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên có thể sắp xếp lại hợp lý hơn, theo đó Báo cáo QH nên chia làm ba phần gồm: (1) Phần mở đầu; (2) Phần Nội dung QHT Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Phần tổ chức thực hiện.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và kết cấu lại báo cáo làm 3 phần gồm: (1) Phần mở đầu; (2) Phần Nội dung QHT Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Phần tổ chức thực hiện.
	<i>2.1.2. Về phần mở đầu</i>	
7	Phần mở đầu sắp xếp lại theo 04 mục sau: (I) Sự cần thiết lập quy hoạch; (II) Các căn cứ lập quy hoạch; (III) Các yêu cầu chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch, gồm: (3.1) Tên, phạm vi, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch; (3.2) Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch; (3.3) Các yêu cầu về nội dung chính lập quy hoạch; (3.4) Cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch; (IV) Quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu Phần mở đầu gồm 4 mục: (I) Sự cần thiết lập quy hoạch; (II) Các căn cứ lập quy hoạch; (III) Các yêu cầu chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch, gồm: (3.1) Tên, phạm vi, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch; (3.2) Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu lập quy hoạch; (3.3) Các yêu cầu về nội dung chính lập quy hoạch; (3.4) Cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch; (IV) Quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
8	Nội dung “quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu” cần được làm chính xác theo Quyết định số 841/QĐ.TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa nội dung này chính xác theo Quyết định số 841/QĐ.TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tại Điểm 2 - phần III - Phần mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái bình
9	Các căn cứ lập quy hoạch cần được sắp xếp lại phù hợp với quy định tại Điều 20 Luật Quy hoạch. Việc phân loại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính cần đảm bảo phù hợp với pháp luật về soạn thảo và ban hành các loại văn bản pháp luật và hành chính của Nhà nước. Bổ tên gọi cho Phần mở đầu như trong báo cáo Quy hoạch.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và sắp xếp tại mục Căn cứ lập quy hoạch tại Mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp gồm: 1. Các văn bản quy phạm pháp luật; 2. Các đường lối, chủ trương chính sách, định hướng, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch (Gồm: (1). Các văn bản cấp TW; (2). Các văn bản cấp tỉnh; (3). Các tài liệu, số liệu khác
	<i>2.1.3. Về phần nội dung Quy hoạch</i>	Page 1

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	2.1.3.1 Bổ cục chung	
10	<p>Sắp xếp lại trật tự cho đúng logic và quy định của pháp luật về Quy hoạch. Phần Nội dung Quy hoạch, gồm: (1) Phần I: Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Thái Bình; (2) Phần II. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; (hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng và bảo vệ môi trường) có thể gọi chung phần II là “Thực trạng phát triển tỉnh Thái Bình”; (3) Phần III. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển; (4) Phần IV. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn; (5) Phần V. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội; (6) Phần VI. Phương án Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng; (7) Phần VII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng; (8) Phần VIII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; (9). Phần IX. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện và vùng huyện; (10) Phần X. Phương án bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn (gộp với các mục IV, V, VI, VIII lại); (11) Phần XI. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên đầu tư; (12) Phần XII. Giải pháp nguồn lực thực hiện quy hoạch; (13) Phần XIII. Phương án xử lý, tích hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược trong QHT. Phần Tổ chức thực hiện (bổ sung mới).</p> <p>Trên cơ sở bổ cục trên, đề nghị cơ quan lập quy hoạch chỉ đạo tư vấn sắp xếp lại, đồng thời bổ sung các nội dung còn thiếu so với quy định của Pháp luật về Quy hoạch.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại Phần Nội dung quy hoạch tỉnh Thái Bình đảm bảo quy định của Nghị định số 37/2019/NĐCP để bổ sung, hoàn chỉnh phần I; Đơn vị cũng đã bổ sung nội dung: VIII. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, TÍCH HỢP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC TRONG QUY HOẠCH TỈNH; PHẦN THỨ III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH</p>
	2.1.3.2. Bổ cục các phần cụ thể	
11	<p>1. Về phần I. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh Thái Bình.</p> <p>a) Mục I: chỉ tập trung vào “Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và môi trường”. Lược bỏ các nội dung không phù hợp như: (i) mối liên hệ vùng; (ii) dự báo triển vọng, nhu cầu phát triển kinh tế; (iii) Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng. Bổ sung: (i) Tài nguyên thiên nhiên; (ii) Môi trường, đa dạng sinh học (không phải là hiện trạng như trong Báo cáo).</p> <p>b) Bổ mục III.</p> <p>c) Bổ sung nội dung tác động của thiên tai và BĐKH đến tỉnh Thái Bình.</p> <p>Đề nghị bổ sung nghiên cứu kỹ quy định của Nghị định số 37/2019/NĐCP để bổ sung, hoàn chỉnh phần I.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung: Phần II - Mục II - V. CÁC NGUY CƠ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</p>

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
12	<p>2. Về phần II. Làm chính xác lại tên của phần này theo quy định.</p> <p>a) Mục I: Tập trung vào “Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội” (ở mục I, II, III, nhưng phải trình bày lại)</p> <p>b) Mục II: Tập trung vào phân tích tiềm năng sử dụng đất đai và hiện trạng sử dụng đất (đã trình bày ở mục XV).</p> <p>d) Mục III: Tập trung vào phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng.</p> <p>e) Mục IV: Tập trung vào phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng (xã hội và kỹ thuật)</p> <p>f) Mục V: Tập trung vào phân tích, đánh giá thực trạng bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH.</p> <p>g) Mục VI: Tập trung phân tích, đánh giá tổng hợp; xác định các vấn đề tồn tại, hạn chế cần giải quyết không phải là “đề xuất các chiến lược phát triển”.</p> <p>Nhìn chung, phần I được thể hiện chưa đúng với quy định của pháp luật về quy hoạch và logic chuyên môn.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại nội dung: MỤC II: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI BÌNH trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái bình đảm bảo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ;</p>
13	<p>c) Mục XVI: Nên xem lại thuật ngữ “Không gian biển” chỉ là vùng biển ven bờ.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Thuật ngữ “không gian biển” được sử dụng theo khoản 1 Mục II, khoản 16 Mục IV Điều 1 Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 16/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
14	<p>3. Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển</p> <p>Nội dung này được trình bày ở mục I, phần III, như trên đã đề nghị tách ra thành 01 phần riêng phù hợp với Luật Quy hoạch</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và tách riêng nội dung Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển thành: MỤC III: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</p>
	<p>4. Về các phần khác: Đã được lưu ý sắp xếp lại ở phần trên</p>	
	<p>2.1.3.3. Về các nội dung nghiên cứu chính của QHT</p>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
15	<p>1. Về phần I và phần II</p> <p>- Cần sắp xếp lại và hoàn chỉnh bố cục cho phù hợp.</p> <p>- Tập trung phân tích, đánh giá và xác định được: (1) Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Bình dựa trên chiến lược phát triển KT-XH 10 năm (2020-2030); QHTT quốc gia và các quy hoạch cấp quốc gia; Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và đảm bảo Quốc phòng-An ninh vùng ĐBSH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> <p>- 07 tồn tại, hạn chế được nhấn mạnh trong Báo cáo Quy hoạch gồm: (i) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (ii) Phát triển ngành công nghiệp; (iii) Mô hình tổ chức sản xuất; (iv) Phát triển ngành du lịch; (v) Thu hút đầu tư phát triển các ngành tạo ra động lực tăng trưởng; (vi) Hình thành cơ sở dịch vụ KHCN; (vii) Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, các tồn tại trên dường như mới tập trung vào vấn đề phát triển kinh tế và không gắn với 08 chiến lược lựa chọn, lẽ ra phải đưa vào “Những nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá” ở phần sau.</p> <p>Tóm lại, Báo cáo quy hoạch cần xác định được “Vị thế, vai trò” của tỉnh Thái Bình và làm rõ hơn, toàn diện hơn các “điểm nghẽn” mà quy hoạch tỉnh phải giải quyết trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, sự cần thiết phải rà soát lược bỏ một số nội dung không phù hợp và không cần thiết trong Báo cáo quy hoạch đã được lưu ý ở trên.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại nội dung này đảm bảo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ,</p>

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
16	<p>2. Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển</p> <p>a) Về quan điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung vào quan điểm 1: Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022.</li> <li>- Quan điểm 2 chưa quán triệt đầy đủ Nghị quyết đại hội toàn quốc lần XX và Nghị quyết số 30-NQ/TW, trong đó rất coi trọng chủ trương phát triển nhanh, bền vững dựa vào đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng tới tăng tỷ trọng GRDP khu vực II và III, dựa trên kinh tế tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và chuyển đổi số; thúc đẩy quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao và đổi mới sáng tạo.</li> </ul> <p>b) Về các kịch bản phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về cơ bản, tôi tán thành và ủng hộ lựa chọn kịch bản 2 về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn tính khả thi về mặt huy động vốn, đặc biệt là khả năng tiếp nhận các dự án lớn có thể làm thay đổi cuộc chơi; góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.</li> <li>- QHT là quy hoạch lãnh thổ được lập theo phương pháp tiếp cận tích hợp. Do đó, ngoài kịch bản phát triển kinh tế, đề nghị bổ sung thêm các kịch bản phát triển dân số lao động, phân bố dân cư, đặc biệt là xây dựng các kịch bản về tổ chức không gian và phân vùng chức năng, để làm cơ sở triển khai các phương án quy hoạch và phát triển tỉnh ở phần sau.</li> </ul> <p>c) Về tầm nhìn 2050, các ý tưởng và khát vọng phát triển về cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, cũng rời rạc, chưa phù hợp với quan điểm phát triển nhanh, bền vững. Nên gom “04 trụ cột” phát triển như đã trình bày vào “03 trụ cột phát triển bền vững”, gồm kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái + 01 trụ cột về đảm bảo quốc phòng, an ninh phù hợp với nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung vào Quan điểm 1: Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022; Quan điểm 2: đã bổ sung nội dung về phát triển nhanh, bền vững dựa vào đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng tới tăng tỷ trọng GRDP khu vực II và III, dựa trên kinh tế tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và chuyển đổi số</p>
	<p>3. Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn và lựa chọn phương án tổ chức các hoạt động kinh tế-xã hội.</p>	
17	<p>a) Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung “cơ sở và các tiêu chí lựa chọn các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn”.</li> <li>- Nội dung lựa chọn phương án tổ chức các hoạt động kinh tế- xã hội được trình bày chưa phù hợp với quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm 05 vấn đề theo quy định; (i) Các công trình, dự án quan trọng không trình bày đúng với quy định; nhiều dự án, công trình thuộc tình quản lý; (ii) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội trình bày còn giằng trái, chưa xác định được các vùng kinh tế liên huyện, các vùng khuyến khích, hạn chế phát triển; các hành lang kinh tế và các trọng điểm phát triển trên địa bàn tỉnh.</li> </ul>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại nội dung này đảm bảo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ,</p>

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
18	<p>b) Về bố cục: Nên sắp xếp phương án tổ chức các hoạt động kinh tế- xã hội thành 05 mục sau: (i) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng và các vùng bảo tồn đã được xác định trong QH cấp quốc gia, QHV ĐBSH; (ii) Xây dựng phương án kết nối KCHT của tỉnh với KCHT quốc gia và vùng; (iii) Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội; (iv) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian; (v) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ các nguồn lực thực hiện.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã kết cấu lại nội dung này đảm bảo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ,</p>
19	<p>c) Về các vùng liên huyện: - Việc chia tỉnh Thái Bình thành 03 vùng liên huyện, gồm (i) Vùng trung tâm bao gồm TP. Thái Bình, các huyện Đông Hưng, Kiến Xương và Vũ Thư, lấy TP. Thái Bình làm trung tâm. (ii) Vùng ngoài biển gồm 02 huyện Quỳnh Phụ và Hưng Hà; (iii) Vùng ven biển gồm 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải, lấy KTT ven biển làm trung tâm về cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên, vùng ngoài biển chưa xác định rõ trung tâm? - Đề nghị nghiên cứu bổ sung phương án 03 vùng liên huyện khác để so sánh gồm: (i) Vùng I là vùng thành phố Thái Bình, bao gồm TP Thái Bình là trung tâm và 02 huyện Kiến Xương và Vũ Thư; (ii) Vùng II, là vùng Công – Nông nghiệp, bao gồm ba huyện Đông Hưng, Quỳnh Phụ và Hưng Hà, trong đó có thể lấy huyện Đông Hưng, gần với QL10 là trung tâm; (iii) Vùng III là vùng duyên hải gồm 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải với trung tâm là KTT ven biển. Theo phương án này sẽ tạo ra tam giác tăng trưởng TP Thái Bình – Huyện Đông Hưng - KTT ven biển, gắn bó với 02 hành lang QL10 và đường ven biển, thúc đẩy phát triển KT toàn tỉnh, đặc biệt là tạo tiền đề đô thị hóa “phi tập trung”; từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa cả tỉnh với tỷ lệ hơn 10%, quá thấp so với vùng ĐBSH. Đô thị hóa thấp cũng là 01 điểm nghẽn của phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch và Liên danh tư vấn tiếp thu ý kiến, nghiên cứu, phân tích việc phân vùng liên huyện dựa trên các yếu tố: Phù hợp với khung phát triển không gian lãnh thổ của tỉnh Thái Bình; có tính tương đồng, quan hệ hữu cơ về địa lý lãnh thổ; khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững; khả năng liên kết huyện với các khu đô thị, khu kinh tế động lực. Trong đó vùng trung tâm bao gồm thành phố Thái Bình, huyện Vũ Thư, huyện Đông Hưng, huyện Kiến Xương (liên kết bởi hành lang tuyến Quốc lộ 10, ĐT.458) ngoài ra 3 huyện này còn có mối liên hệ tương hỗ đối với khu vực thành phố; Vùng liên kết ngoại biên gồm 02 huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ (liên kết bởi hành lang tuyến Thái Bình - Hà Nam); Vùng ven biển gồm 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải (liên kết bởi tuyến đường ven biển, Quốc lộ 37B...). Đối với vùng ngoài biển đã được phân thành 3 nhóm chính gồm: Nhóm tiêu chí về quốc phòng, an ninh; Nhóm tiêu chí về bảo vệ, bảo tồn; Nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế (Điểm 1. Phân vùng không gian biển/Phần X/Mục V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp). Nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế (Điểm 1. Phân vùng không gian biển/Phần X/Mục V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp). Phương án 1 (Theo ý kiến của chuyên gia) Ưu điểm: Theo phương án này sẽ tạo ra tam giác tăng trưởng TP Thái Bình - Huyện Đông Hưng - KTT ven biển, gắn bó với 02 hành lang QL10 và đường ven biển, thúc đẩy phát triển KT toàn tỉnh, đặc biệt là tạo tiền đề đô thị hóa “phi tập trung”. Nhược điểm: Vùng I là vùng thành phố Thái Bình, bao gồm TP Thái Bình là trung tâm và 02 huyện Kiến Xương và Vũ Thư: Vùng này không tạo tính liên kết chặt chẽ do tuyến QL.10 là tuyến giao thông huyết mạch kết nối tỉnh Thái Bình với các tỉnh Nam Định và Hải Phòng; trên tuyến hình thành các đô thị Vũ Thư, thành phố Thái Bình và đô thị Đông Hưng. Mặt khác, đô thị Đông Hưng có cùng tính chất phát triển với các huyện trong vùng này nên việc đưa huyện Đông Hưng vào vùng II là không hợp lý. Ngoài ra, vùng II gồm 03 huyện Đông Hưng, Quỳnh Phụ và Hưng Hà lại liên kết với nhau bởi 03 tuyến: QL.39, QL.10 và Thái Bình – Hà Nam do đó không tạo ra không gian phát triển tập trung có cùng tính chất giống như PA.II. Phương án 2 (Theo Dự thảo Quy hoạch tỉnh) Ưu điểm: Vùng trung tâm: Tạo ra vùng đô thị hóa tập trung với đô thị trung tâm vùng là thành phố Thái Bình; các</p>

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		<p>huyện còn lại là Đông Hưng, Kiên Xương, Vũ Thư là vùng phát triển đệm. Vùng này có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, thành phố là đô thị trung tâm tác động lan tỏa đến các vùng lân cận thông qua các tuyến hành lang kinh tế: QL.10; ĐT.458 tạo nên mô hình đô thị hướng tâm.</p> <p>Ưu điểm của vùng này là có cùng tính chất phát triển đô thị - dịch vụ, nông nghiệp sinh thái và công nghiệp công nghệ cao.</p> <p>Vùng ngoại biên: Có đặc điểm tiếp giáp với các tỉnh lân cận là Hải Dương, Hưng Yên và Hải Phòng nên có cùng tính chất liên kết với các tỉnh trong vùng ĐBSH. Vùng này liên kết với nhau bởi tuyến hành lang kinh tế Thái Bình – Hà Nam; là vùng phát triển công nghiệp-logistic ngoại biên dọc các tuyến QL.39, QL.10, Thái Bình – Hà Nam, CT.39 nên thuận lợi thu hút đầu tư ngoài KKT.</p> <p>Vùng động lực: Trung tâm là Khu kinh tế Thái Bình, là trọng tâm phát triển tỉnh trong giai đoạn 2021-2030.</p>
20	<p>4. Về các phương án phát triển tỉnh Thái Bình.</p> <p>- Việc ghép các phương án quy hoạch phát triển tỉnh theo các phần IV,V,VI và VII là hoàn toàn không phù hợp với Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, dẫn đến chia cắt nội dung QHT thành những bộ phận không gắn bó với nhau. Về vấn đề này, ý kiến nhận xét phân biện đã lưu ý phần trên.</p> <p>- Về phương án QH hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng, đề nghị bổ sung quan điểm, mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển hệ thống đô thị, bổ sung các quan điểm, mục tiêu và phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các khu chức năng theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch; đồng thời bỏ phương án phát triển nhà ở (thực chất là 01 hạng mục của kết cấu hạ tầng xã hội)</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và kết cấu lại toàn bộ các nội dung báo cáo đảm bảo phù hợp với Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP,</p>
21	<p>Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai, nội dung mục II có lẽ nhầm lẫn với nội dung IV; Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho 08 khu chức năng (thiếu khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học).</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Nội dung 2 phần này khác nhau: Phần 2: Định hướng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho các lĩnh vực; Phần 4: Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn tỉnh đến năm 2030</p>
22	<p>Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, đề nghị bổ sung kết cấu hạ tầng khoa học, công nghệ.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu bổ sung nội dung 5. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ/IV/Mục V/Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>
23	<p>Bổ sung phương án xử lý tích hợp báo cáo DMC vào QHT.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung tích hợp DMC tại : IX. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, TÍCH HỢP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC TRONG QUY HOẠCH TỈNH - Mục IV -Phần II của Báo cáo Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình</p>
	<p>2.1.3.4. Về hệ thống các bản đồ, cơ sở dữ liệu và các văn bản kèm theo hồ sơ trình thẩm định QHT</p>	
24	<p>Trên cơ sở các nội dung QHT sau khi được chỉnh sửa, đề nghị rà soát hoàn chỉnh lại hệ thống các sơ đồ, bản đồ, tờ trình, dự thảo QĐPD QHT và cơ sở dữ liệu.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát các nội dung chỉnh sửa vào hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu và dự thảo quyết định QH tỉnh Thái Bình</p>
	<p><b>Kết luận</b></p>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
25	3.1. Hồ sơ QHT Thái Bình đã được nghiên cứu công phu với nhiều cố gắng. Tuy nhiên, về bố cục và nhiều nội dung QHT cần được rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh lại để đảm bảo chất lượng và yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.	Tiếp thu
26	3.2. Đề nghị HĐTD xem xét việc cho bảo vệ. Trường hợp có thể cơ quan lập quy hoạch phối hợp với tư vấn nên làm chính xác lại Báo cáo quy hoạch trước khi bảo vệ tại HĐTD, như vậy sẽ tốt hơn?	Tiếp thu



## TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA GS. CAO VIỆT SINH

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<b>Về thủ tục và cơ cấu báo cáo</b>	
1	1. Về tính phù hợp của Quy hoạch: Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình đã bán sát các qui định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định 841/QĐ-TTg ngày 16/6/2020 và các văn bản của pháp luật theo qui định cũng như các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành.	Nhất trí
2	2. Quy trình lập và lấy ý kiến về Quy hoạch tỉnh Thái Bình nêu trong báo cáo đã đầy đủ theo qui định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Quy hoạch tỉnh đã được các bộ, ngành ở Trung ương, các địa phương liên quan trong vùng và lân cận đã có ý kiến tham gia; đã lấy ý kiến tham vấn các sở ngành, ý kiến cộng đồng và cơ bản được tỉnh tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh.	Nhất trí
3	3. Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền cho sở Kế hoạch và Đầu tư có tờ trình gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch với đầy đủ các Hồ sơ liên quan theo qui định: Báo cáo quy hoạch (báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt), báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo giải trình các ý kiến góp ý, hệ thống bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch, dự thảo quyết định kèm theo.	Nhất trí
4	4. Căn cứ lập Quy hoạch cần bổ sung, các văn kiện của Đảng và chính phủ còn thiếu, nhiều Nghị quyết của Trung ương trong thời gian gần đây chưa được đưa vào làm căn cứ pháp lý. Cụ thể: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5, BCHTW Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (thay cho Nghị quyết 26); Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Nghị Quyết 29- NQ/TW ngày 17/11/2022 về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030... và nhiều quyết định của Thủ tướng chính phủ liên quan, như Quyết định 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 về phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam, Quyết định 678/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 về phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam...	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu tại Điểm 2.1.2 - II. Căn cứ pháp lý - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình
	<b>Nhận xét, tham gia cụ thể vào nội dung Quy hoạch</b>	
	<b>Về phân tích đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh.</b>	
5	Báo cáo dự thảo Quy hoạch cần phân tích làm rõ hơn về tác động, ảnh hưởng các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh lên phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, chứ không chỉ liệt kê các yếu tố, điều kiện tự nhiên. Đối với Thái Bình đặc thù riêng có là vùng châu thổ Sông Hồng có những tác động lớn đến phát triển kinh tế và văn hóa	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu phân tích làm rõ hơn về tác động, ảnh hưởng của các yếu tố, điều kiện đặc thù được nêu tại mục V. Đánh giá chung những thuận lợi và hạn chế (Trang 53)

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
6	Báo cáo Quy hoạch cần làm rõ hơn đặc thù đất ít, mô hình phát triển theo hướng tiết kiệm đất theo hướng nào?. Đặc thù của quá trình lấn biển để mở rộng không gian phát triển như thế nào và các tác động lên kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại mục VI. Đánh giá chung những thuận lợi và hạn chế (Trang 53)
7	Cần làm rõ hơn vai trò Thái Bình là mặt tiền hướng ra biển của vùng đồng bằng Sông Hồng trong chuỗi liên kết hợp tác kinh tế ven biển với Hải Phòng, Quảng Ninh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung vào mục 2. <i>Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Bình đối với vùng Đồng bằng sông Hồng (Trang 27)</i> Thái Bình nằm trong hành lang kinh tế phía Đông, mặt tiền hướng ra biển của vùng Đồng bằng sông Hồng, với chuỗi liên kết các hoạt động kinh tế gần biển như công nghiệp chế tạo, năng lượng, dịch vụ vận tải biển, du lịch, thủy sản, khai thác tài nguyên biển,... Là tỉnh đi sau, chịu tác động lan tỏa của các trung tâm kinh tế biển mạnh là Quảng Ninh, Hải Phòng, cùng với quá trình tăng cường nâng cấp hạ tầng kết nối ven biển, Thái Bình có nhiều dư địa để khai thác trong vai trò là một trung tâm mới thu hút các hoạt động công nghiệp, dịch vụ mới, hỗ trợ và kết nối các hoạt động chung của toàn vùng hướng mạnh vào các hoạt động kinh tế biển.
8	Cần làm rõ hơn những yếu tố mới xuất hiện ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình	
<b>Về phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế- xã hội: Báo cáo cần làm rõ thêm</b>		
9	Việc đánh giá mô hình kinh tế của tỉnh Thái Bình, cần đánh giá theo giá hiện hành. Báo cáo nêu năm 2020 quy mô nền kinh tế GRDP là 53,429 tỷ đồng theo giá so sánh (trang 66), tuy nhiên ở trang khác lại nêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của toàn tỉnh Thái Bình năm 2020 là 154,602 tỷ đồng (theo giá 2010, trang 89), vậy theo giá hiện hành GRDP là bao nhiêu? Nếu dùng theo giá so sánh 2010 sẽ không phản ánh đúng thực chất nền kinh tế của tỉnh. Đề nghị tư vấn xem lại? (theo thông tin của Cục thống kê Thái Bình, năm 2022 quy mô GRDP của tỉnh Thái Bình là 110,8 nghìn tỷ đồng, xếp thứ 8/11 tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSH)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã chỉnh sửa trong báo cáo thuyết minh tổng hợp: Quy mô GRDP (giá hiện hành) năm 2020 đạt 90.810 tỷ đồng, gấp khoảng 1,8 lần so với năm 2015; Giá trị sản xuất trên địa bàn (GO) toàn tỉnh Thái Bình năm 2020 đạt 154.602 tỉ đồng (giá so sánh 2010),
10	Việc đánh giá thực trạng kinh tế xã hội tỉnh cần làm rõ hơn về các yếu tố tạo nên sự phát triển của tỉnh trong thời gian qua và định vị Thái Bình hiện đang ở đâu so với vùng và cả nước. Mặc dù chưa có những khởi sắc đột biến, nhưng Thái Bình có những chuyển biến tích cực. Năm 2010, GRDP bình quân đầu của tỉnh Thái Bình 14,3 triệu đồng, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố và xếp thứ 10/11 tỉnh, thành phố của vùng, nhưng đến 2020, đạt 48,4 triệu đồng xếp 43/63 tỉnh, thành phố cả nước và vẫn xếp thứ 10/11 tỉnh, thành phố của vùng ĐBSH. Như vậy so với cả nước, Thái Bình có chuyển biến tích cực, tuy nhiên so với vùng ĐBSH phát triển rất năng động trong thời gian qua thì Thái Bình vẫn còn nhiều khó khăn, (chỉ trên tỉnh Nam Định), cần làm rõ nguyên nhân này, để thấy những dư địa nào chưa thác hết. <b>Báo cáo Quy hoạch còn lẫn giữa thu nhập bình quân đầu người và GRDP bình quân đầu người, các số liệu so sánh Thái Bình với cả nước và vùng chưa chính xác cần kiểm tra lại. Tư vấn đang dùng số liệu cũ, chưa theo công bố mới của Tn, thúc đẩy phát</b>	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Tại thời điểm đánh giá quy hoạch, quy hoạch tỉnh đã căn cứ vào số liệu thống kê năm 2020 được công bố năm 2021, để đảm bảo chuỗi phân tích và dự báo, tư vấn đã rà soát về cơ bản các số liệu điều chỉnh không làm thay đổi các nhận định và vị thế đã nêu.

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
11	Cần làm rõ nguyên nhân tại sao thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Thái Bình cao hơn GRDP bình quân đầu người (50,5 triệu đồng/ 48,4 triệu đồng; GRDP/người xếp thứ 43, nhưng thu nhập lại xếp thứ 17/63 tỉnh thành phố). Người dân hưởng lợi thu nhập không nằm trong phạm vi kinh tế của tỉnh, và Thái Bình là 1 trong 2 tỉnh có tình hình này, có phải do hỗ trợ lớn từ TW, hay lao động ngoài tỉnh... cần phân tích kỹ và tìm ra nguyên nhân để thấy được khó khăn và lợi thế gì?, (trang 67 nêu thu nhập năm 2020 là 4,21 triệu đồng /tháng bằng 46,5 triệu đồng/năm là chưa chính xác, phải là 50,5 triệu = 4,21 triệu X 12 tháng, đề nghị tư vấn xem lại).	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Thu nhập bình quân của tỉnh Thái Bình cao hơn so với GRDP bình quân đầu người là do thu nhập được chuyển từ các địa bàn khác về Thái Bình. Trong giai đoạn 2011-2020 lực lượng lao động của tỉnh chịu sức hút và tham gia lao động ở địa bàn các tỉnh khác có nhu cầu là tương đối lớn, một phần thu nhập được chuyển về địa phương phản ánh qua số liệu thu nhập bình quân tháng
12	Cần phân tích mô hình kinh tế của Thái Bình thời gian qua có những khó khăn gì, tăng trưởng chậm hơn mức bình quân của vùng.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại mục II/1. Tổng quan chung về phát triển kinh tế: Tỉnh Thái Bình hiện đang trong giai đoạn đầu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động từ dựa vào nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp. Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp còn cao, trong khi tốc độ tăng trưởng ngành hiện đã ở mức tới hạn, dư địa tạo ra tăng trưởng theo phương thức cũ là rất thấp. Trong khi ngành công nghiệp, dịch vụ đang ở giai đoạn đầu, hạ tầng đang trong giai đoạn hoàn thiện và thu hút đầu tư nên khả năng đóng góp cho tăng trưởng chưa bước vào giai đoạn cao.
13	Phân tích rõ hơn về phát triển các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, báo cáo quy hoạch mới mô tả, liệt kê chi tiết từng KCN, CCN, chưa làm rõ tác động của các khu này lên phát triển kinh tế, việc bố trí sắp xếp không gian phát triển KCN, CCN có những ưu điểm và cập nhật gì?	
14	Báo cáo quy hoạch phân tích quá nhiều đến tác hại của quá trình đô thị hóa là cản trở phát triển các ngành sản xuất như nông, lâm, ngư nghiệp, gây phân chia giàu nghèo, gia tăng khoảng cách, ô nhiễm môi trường, gia tăng các tệ nạn xã hội...(trang 171), mà chưa thấy hết vai trò của đô thị trong phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là cơ hội phát triển kinh tế, mật độ đô thị, nhất là không gian cao để dành đất phát triển công nghiệp, dịch vụ...	
15	Cần đánh giá sâu về mặt được và chưa được về thực hiện Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội thời gian qua, nhất là sắp xếp bố trí không gian phát triển công nghiệp, khu công nghiệp...; xác định các điểm nghẽn cần xử lý.	
16	Đánh giá những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức, còn phân tán. Nêu 8 điểm mạnh, 13 điểm yếu, 8 cơ hội và 7 thách thức, nhưng không rút ra những trọng tâm gì cần quan tâm và xử lý trong giai đoạn tới. Việc phân tích SWOT để đưa ra 8 Chiến lược phát cho tỉnh Thái Bình là khá phân tán.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Nội dung đánh giá SWOT dựa trên phân tích các vấn đề đã nêu ở nội dung thực trạng, các chiến lược đã nêu là kết quả của phân tích ma trận các điểm mạnh và điểm yếu để thấy rõ các vấn đề khách quan và chiến lược giải quyết từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đề các chiến lược không dàn trải, các vấn đề chiến lược ưu tiên được lựa chọn như nêu ở phần định hướng quy hoạch
17	Cần xác định các điểm nghẽn lớn nhất của tỉnh Thái Bình là gì? Với đặc điểm tự nhiên của tỉnh, điểm nghẽn lớn nhất của tỉnh là: (1). Hạ tầng kết nối với cảng biển, kết nối với vùng động lực, trong đó có kết nối với cực tăng trưởng là thành phố Hải Phòng; (2). Môi trường đầu tư kinh doanh chưa hấp dẫn, kém cạnh tranh; (3) Không gian phát triển công nghiệp bị hạn chế...	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại Chương III . ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC/ Mục II/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<b>Về các quan điểm phát triển: Dự thảo quy hoạch đưa ra 6 quan điểm phát triển, tuy nhiên cần xác định rõ thêm:</b>	
18	Cần phân biệt quan điểm phát triển khác với quan điểm lập Quy hoạch. Trong quan điểm 1, nêu quan điểm lập Quy hoạch như " dự báo chính xác, kịp thời với diễn biến tình hình, chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống trong nghiên cứu lập, thực hiện Quy hoạch..."	Nhất trí
19	Triết lý chọn kinh tế công nghiệp và kinh tế đô thị làm động lực phát triển chưa rõ, mâu thuẫn với việc đánh giá, phân tích hai ngành này trong đánh giá thực trạng?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bỏ nội dung "lấy kinh tế công nghiệp và kinh tế đô thị làm "động lực" thúc đẩy
20	Trong quan điểm phát triển tỉnh Thái Bình chưa quán triệt Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của BCT về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng đặt ra quan điểm vùng này phải là "vùng động lực phát triển hàng đầu", " vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước".	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tinh thần Nghị quyết 30-NQ/TW của BCT vào quan điểm phát triển của tỉnh (Quan điểm 1 và Quan điểm 2) trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình
21	Có nên đặt vấn đề xây dựng Thái Bình trở thành trung tâm công nghiệp của vùng, trung tâm sản xuất năng lượng hàng đầu của vùng. Trong khi với đặc điểm Thái Bình vùng đồng bằng, đất lúa, "bờ xôi ruộng mật"?, nên hướng đến nền công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, chứ không nên công nghiệp dệt may - da giày, các nhà máy nhiệt điện than?	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu thay đổi đoạn từ "Khu kinh tế ven biển Thái Bình trở thành trung tâm công nghiệp của vùng" thành "Khu kinh tế ven biển Thái Bình trở thành một tổ hợp công nghiệp hiện đại, phát triển bền vững của vùng"
22	Quan điểm mới đề cập đến quan điểm phát triển, chưa thấy nêu quan điểm về tổ chức, sắp xếp, bố trí không gian phát triển trong thời kỳ quy hoạch tới.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Quan điểm về tổ chức, sắp xếp, bố trí không gian phát triển được thể hiện tại Quan điểm số 4 trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình
	<b>Về Kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh (trang 309-316: Báo cáo dự thảo Quy hoạch, nêu 3 kịch bản, tuy nhiên cần làm rõ:</b>	
23	Các căn cứ nêu ra 3 kịch bản trên chưa đủ thuyết phục, các dự báo về dân số, lao động, khả năng huy động vốn, khả năng kêu gọi các dự án lớn vào phát triển kinh tế như thế nào?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung Cơ sở xây dựng các phương án phát triển và Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng Thái Bình trong phần II.1 Các kịch bản phát triển
24	Cả 3 kịch bản đều đưa ra mức tăng trưởng rất cao, cụ thể kịch bản 1: GRDP tăng trưởng 12,2%; kịch bản 2 tăng trưởng 13,4% và kịch bản 3 tăng trưởng 15%. Tuy nhiên chưa có luận chứng để có khả năng tăng cao?; cũng như giữa hai giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 có sự khác biệt và cách khá xa về tăng trưởng, theo kịch bản chọn, GRDP tăng 10,4% và 16,5%, trong đó công nghiệp và xây dựng tăng 14,4% và 21,8%? (trong khi giai đoạn 2016-2020 chỉ tăng 8,7%).	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Trong thời kỳ quy hoạch, Thái Bình có nhiều cơ hội để bứt phá thông qua các dự án trọng điểm về Khu kinh tế, đường kết nối và hạ tầng năng lượng. Do đó, các chỉ tiêu phát triển cho Thái Bình là có thể đạt được nếu các yếu tố tác động đến tăng trưởng diễn tiến như kỳ vọng
25	Kịch bản chọn, đến năm 2025 GRDP bình quân đầu người là 98 triệu đồng và đến 2030 là 165 triệu đồng là chưa tương xứng với mức tăng của đồng bằng Sông Hồng. So với ĐBSH, năm 2010, GRDP/người của tỉnh Thái Bình là 48,4 triệu đồng, bằng 46,7% mức bình quân của vùng và đến 2030 là 165 triệu đồng, bằng hơn 50% mức bình quân chung của vùng và cũng chưa bằng mức bình quân chung của cả nước.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình về Kịch bản đã lựa chọn: Do Thái Bình có xuất phát điểm khá thấp trong vùng, do vậy việc so sánh và định vị phát triển của tỉnh đến năm 2030 đối với vùng ĐBSH (mục tiêu Nghị quyết 30-NQ/TW) và cả nước (Nghị quyết 81/2023/QH15) có tính mục tiêu để phấn đấu với điều kiện tốc độ tăng trưởng của kinh tế Thái Bình phải duy trì ở mức cao trong cả giai đoạn 2021-2030 khoảng 13-14%/năm
26	Trong kịch bản việc tính toán quy mô GRDP của tỉnh Thái Bình đến năm 2025 và năm 2030 theo giá so sánh cần xem lại (Theo dự thảo quy mô nền kinh tế Thái Bình đến năm 2025 là 82 nghìn tỷ đồng, đến năm 2030 là 176 nghìn tỷ đồng, trang 336), cần tính toán lại theo giá hiện hành.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tính toán lại GRDP đến năm 2025 và 2030 của tỉnh theo giá hiện hành tương ứng là: Quy mô nền kinh tế đến năm 2025 (tính theo GRDP, giá hiện hành) đạt trên 199,5 nghìn tỷ đồng; Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 (tính theo GRDP, giá hiện hành) đạt trên 428 nghìn tỷ đồng

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
27	Cần luận chứng về năng suất lao động trong giai đoạn 2021 - 2025 tăng 14,3%, trong khi giai đoạn 2026 - 2030 chỉ còn 8,6%, mâu thuẫn với tăng giai đoạn 2021 - 2025 là 10,4% và giai đoạn 2026 - 2030 tăng 16,5%	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Năng suất lao động của tỉnh giai đoạn trước rất thấp nên việc chuyển dịch nhanh cơ cấu nông nghiệp sang công nghiệp đã thúc đẩy tăng nhanh năng suất ngay trong giai đoạn 2021-2025 và giảm dần tốc độ nhưng vẫn tương đối cao ở giai đoạn 2026-2030, việc tốc độ không đồng nhất với tốc độ tăng trưởng GRDP do việc gia tăng và thu hút lao động tập trung vào các ngành công nghiệp tương đối nhanh ở giai đoạn 2026-2030 so với giai đoạn 2021-2025
<b>Về mục tiêu tổng quát đến 2030: Mục tiêu tổng quát, cần cân nhắc thêm:</b>		
28	Mục tiêu tổng quát định vị đến năm 2025 là tỉnh phát triển khá và đến năm 2030 tỉnh Thái Bình thuộc nhóm khá trong vùng ĐBSH cần có luận chứng thêm. Như đã phân tích ở trên, đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người của Thái Bình chỉ bằng 78% mức bình quân chung cả nước và bằng 53% mức bình quân của vùng?, chứ không phải đến "năm 2030 GRDP bình quân đầu người tương đương với mức bình quân cả nước và đến năm 2050 gấp 1,7 lần mức bình quân chung cả nước?" như tư vấn nêu tại mục tiêu (trang 318). GDP bình quân của cả nước đến năm 2030 là 7.500 USD và đến 2050 là 27.000 -34.000 USD. Ở đây tư vấn có sự nhầm lẫn lớn?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu điều chỉnh lại mục tiêu 90-95% cả nước và đến năm 2035 sẽ tương đương với mức trung bình cả nước do xuất phát điểm nền kinh tế thấp, cùng với việc đặt ra kịch bản thu hút dân cư, chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người của tỉnh cần thời gian để bắt kịp với mức trung bình chung của cả nước và vùng Đồng bằng Sông Hồng.
<b>Về mục tiêu cụ thể</b>		
29	Các mục tiêu cụ thể ở Báo cáo tổng hợp và dự thảo quyết định phê duyệt khác nhau, chưa nhất quán.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã hệ thống lại các chỉ tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch tại Bảng 65 trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp và đã rà soát vào Dự thảo quyết định phê duyệt
30	Trong báo cáo tổng hợp, đề nghị xác định mục tiêu cụ thể cho cả giai đoạn 2021- 2030, chứ không chỉ dừng lại đến năm 2025 (trang 317). Bổ sung thêm các mục tiêu cụ thể đến 2030 cho thống nhất với dự thảo quyết định.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã bổ sung chỉ tiêu cho đến năm 2030 tại Bảng 65 trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp
31	Tỉnh Thái Bình lấy khoa học công nghệ và chuyển đổi số làm nhiệm vụ trọng tâm thứ 6 (trang 323), cần bổ sung chỉ tiêu kinh tế số trong mục tiêu cụ thể (Nghị quyết 30, đề ra kinh tế số bằng 35% GRDP cho vùng ĐBSH).	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung chỉ tiêu kinh tế số tại Bảng 65, cụ thể: đến năm 2025 chiếm 20% GRDP; năm 2030 chiếm 30% GRDP của tỉnh
32	Đề nghị bổ sung chỉ tiêu đô thị hóa vào trong báo cáo tổng hợp.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung chỉ tiêu: Tỷ lệ đô thị hóa tại Bảng 65, cụ thể: đến năm 2025 đạt 30%; năm 2030 đạt 40%
33	Bổ sung chỉ tiêu TFP (vùng ĐBSH là 55% cho cả giai đoạn 2021-2030).	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung chỉ tiêu kinh tế số tại Bảng 65, cụ thể: chỉ tiêu TFP của tỉnh cho giai đoạn 2021-2030 là 55%
<b>Về tầm nhìn đến năm 2050 (trang 318-320)</b>		
34	Đề nghị cần thể hiện lại tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh ngắn gọn dễ nhớ, hiện tại tầm nhìn trong báo cáo tổng hợp đến năm 2050 chiếm tới 2 trang và cũng không nhất quán trong dự thảo quyết định phê duyệt?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa tầm nhìn đến năm 2050 tại Mục IV. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050/Mục IV/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
35	Cần có các tính toán khái quát một số chỉ tiêu đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050 là bao nhiêu. Đến năm 2050, GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người (HDI) là bao nhiêu? ... để minh họa cho vị trí của tỉnh .... so với vùng và cả nước.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Theo hướng dẫn của Thông tư 373, không yêu cầu tính toán các chỉ tiêu đến năm 2050. Mặt khác, từ nay đến năm 2050 là gần 30 năm, các dự báo về tăng trưởng GRDP là không chính xác và khó có căn cứ

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<b>Về các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá.</b>	
36	Quy hoạch tỉnh Thái Bình đưa ra 3 đột phá với 5 định hướng phát triển và 6 nhiệm vụ trọng tâm. Tuy nhiên giữa 5 định hướng lớn và 6 nhiệm vụ trọng tâm chưa nhất quán, thiếu gắn kết với nhau.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát và đưa ra 05 đột phá phát triển để phù hợp với 06 nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó: 03 đột phá phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (2021-2025) đã đề ra và 02 đột phá mới: (4) Khai thác tiềm năng, lợi thế của biển và khu vực ven biển tạo sự phát triển đột phá trên một số lĩnh vực: Cảng biển, năng lượng (điện gió, điện khí), dịch vụ giải trí, nghỉ dưỡng, sinh thái biển. Mở rộng không gian lấn biển tạo quỹ đất cho các hoạt động chức năng; hình thành không gian công nghiệp - đô thị - dịch vụ đồng bộ, cảnh quan sinh thái ven biển hấp dẫn; (5) Tập trung phát triển con người toàn diện, phát huy truyền thống văn hóa tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
37	Ba đột phá phát triển cần cụ thể hơn, nhất có khả năng tăng trưởng cao như đề ra trong mục tiêu phát triển.	
38	Trong dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch lại nêu 8 đột phá, liệu có quá nhiều đột phá, cần rà soát thêm.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát các đột phá đảm bảo thống nhất với Báo cáo tổng hợp
39	Cần xác định rõ hơn mô hình phát triển của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới, trong dự thảo quyết định phê duyệt xác định cả 3 khu vực: ngành công nghiệp, ngành dịch vụ và ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (trang 5) đều là ngành quan trọng của tỉnh là quá phân tán.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Mô hình kinh tế của Thái Bình đến năm 2030 sẽ chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp, gắn với dịch vụ và đô thị hiện đại. Tuy nhiên, với nền tảng là trung tâm nông nghiệp lâu đời của vùng, Thái Bình vẫn cần khẳng định vai trò trụ đỡ của ngành NLTS. Do đó, có thể nói mô hình kinh tế của tỉnh Thái Bình đến 2030 sẽ khá hài hòa giữa công - nông nghiệp và tiến tới hình thành các ngành dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng du cầu của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn, hấp dẫn đối nhà đầu tư
40	Kinh tế biển của tỉnh phát triển như thế nào?	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Kinh tế biển tỉnh Thái Bình phát triển theo hướng được khai thác hợp lý, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển và khu vực ven biển, nhất là các lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; nâng cao đời sống và sinh kế cộng đồng theo Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ.
	<b>Về phương án phát triển các ngành, lĩnh vực.</b>	
41	Quy hoạch đưa ra nhiều chiến lược phát triển hơi dàn trải, lan man, nặng về mô tả, chưa xác định, luận chứng để lựa chọn rõ các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung phần luận chứng lựa chọn các ngành công nghiệp, nông nghiệp chủ lực
42	Còn nặng về mô tả quá chi tiết về kỹ thuật, nhiều trụ cột, nhiều nhóm ưu tiên?.	

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
43	Cần phân tích, tính toán đến năm 2030, các ngành kinh tế lựa chọn quan trọng nêu trên đóng góp bao nhiêu % vào tăng trưởng kinh tế.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tỷ trọng đóng góp của các ngành kinh tế quan trọng là công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp lần lượt là 62%, 29% và 9% đến năm 2030
44	Ngoài ra, Thái Bình có đất đai màu mỡ, điều kiện gần Thủ đô, liệu Thái Bình có thể trở thành nơi cung cấp hàng đầu về thực phẩm chất lượng cao cho vùng thủ đô Hà Nội được không?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nhấn mạnh nông nghiệp tiếp tục được khẳng định là một trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế Thái Bình
<b>Phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội</b>		
43	Cần xác định phương án tổ chức không gian phát triển một tổng thể, chứ không chỉ phân bố, tổ chức không gian phát triển riêng lẻ cho từng ngành, lĩnh vực, và như vậy sẽ khó tích hợp các ngành, lĩnh vực trên cùng địa bàn.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung vào mục IV/1/3. <i>Lựa chọn phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội</i> : Phương án tổ chức không gian tỉnh Thái Bình được định hình theo cấu trúc dựa trên bộ khung: một trung tâm là Thành phố Thái Bình và một hành lang ven biển (với hai trung tâm là đô thị Tiên Hải và Thái Thụy), và các hành lang không gian phát triển của tỉnh chịu tác động của các khu vực phụ cận ngoại biên các tỉnh lân cận theo các trục kết nối như Hưng Yên, Hà Nam, Hải Phòng...
44	Cần làm rõ mối quan hệ giữa các hành lang phát triển của tỉnh Thái Bình với hành lang kinh tế ven biển (quy hoạch tổng thể quốc gia) đi qua tỉnh Thái Bình?	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung vào IV/1/3. Lựa chọn phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội (trang 408): Hành lang kinh tế ven biển Thái Bình được định hướng phù hợp, cụ thể hóa các chức năng của Hành lang kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ (kết nối các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng với các tỉnh Vùng Bắc Trung Bộ). Trong đó Thái Bình sẽ kết nối trực tiếp với Hải Phòng, Quảng Ninh, đảm nhận vai trò chức năng vệ tinh cho các hoạt động dịch vụ vận tải, công nghiệp, du lịch, năng lượng và khai thác tài nguyên biển và chia sẻ các lợi thế với các tỉnh ven biển.
45	Cần làm rõ không gian phát triển đô thị gắn công nghiệp và dịch vụ trên cơ sở lấn biển như thế nào?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung vào IV/1/3. Lựa chọn phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội (trang 408): Không gian phát triển đô thị được mở rộng chức năng và dựa trên động lực là các ngành công nghiệp, dịch vụ. Tổ chức các không gian hành lang kết nối nhanh với các khu vực sản xuất công nghiệp, hình thành các dịch vụ tại đô thị đủ quy mô tương xứng với vị trí trung tâm của tỉnh. Trên cơ sở lấn biển để mở rộng quỹ đất phát triển kinh tế- xã hội đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về mặt chủ trương tại Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 07/6/2022 (ngày 31/3/2023, UBND tỉnh Thái Bình có Báo cáo số 25/BC-UBND về đề xuất phương án lấn biển để mở rộng quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thái Bình gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất phương án tổng thể xác định các khu vực được phép lấn biển trên phạm vi cả nước trong đó có tỉnh Thái Bình); trong đó có mở rộng không gian phát triển đô thị gắn với công nghiệp, dịch vụ biển hướng hiện đại, bảo đảm tính bền vững của hệ sinh thái, hiệu quả và tầm nhìn xa, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Thái Bình.

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
46	Làm rõ nội dung liên kết không gian phát triển các ngành, lĩnh vực giữa Thái Bình với các tỉnh lân cận (Hải Phòng, Nam Định, Hưng Yên).	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại Mục IV/I/3.
	<b>VỀ DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN (trang 827).</b>	
47	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư cần tách danh mục đầu tư từ ngân sách trung ương; danh mục đầu tư từ ngân sách địa phương và danh mục ưu tiên kêu gọi đầu tư; các dự án đưa vào quy hoạch cần phải tích hợp vào bản đồ để tạo thuận lợi cho việc triển khai sau này.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Việc xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cho cả thời kỳ quy hoạch 10 năm sẽ được cụ thể hóa vào kế hoạch trung hạn và đảm bảo cân đối nguồn lực ở từng giai đoạn, vì vậy danh mục dự án để theo hướng có thể sử dụng cả nguồn lực công và tư để phù hợp với thực tiễn thu hút đầu tư trong từng giai đoạn.
	<b>Các giải pháp để thực hiện thực hiện quy hoạch</b>	
48	Một trong vấn đề quan trọng trong quy hoạch là luận giải khả năng huy động nguồn lực để thực hiện Quy hoạch. Trong Báo cáo Quy hoạch trong 10 năm tới 2021- 2030 cần tới 798,3 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách là 48,2 nghìn tỷ, chiếm 6% tổng đầu tư xã hội, là quá thấp, khó có khả năng thu hút các nguồn khác như của tư nhân, FDI (chiếm tới 94%), đề nghị cần nhắc và lý giải thêm.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Việc tính toán nguồn vốn ngân sách đang dựa trên kịch bản thận trọng, trong điều kiện các chính sách về điều tiết ngân sách trung ương và chương trình đầu tư công không có nhiều thay đổi cho Thái Bình. Trong bối cảnh này, Thái Bình cần có các cải cách hành chính và hoàn thành các khâu đột phá để thu hút đầu tư, không chỉ nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp trong nước, mà đặc biệt là nguồn vốn FDI. Với các dự án trọng điểm như Khu kinh tế, Công viên du lịch và hàng loạt KCN mới được quy hoạch, khả năng thu hút một lượng lớn vốn FDI từ 1-2 tỷ USD/ năm là hoàn toàn khả thi trong giai đoạn mới
49	Đề nghị xem xét hệ số ICOR trong giai đoạn 2021-2030 là bao nhiêu, so với giai đoạn trước tăng, giảm như thế nào?.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: ICOR trong giai đoạn 2021-2030 là 8,0, giảm so với mức 10,3 của giai đoạn 2015-2020, thể hiện sự cải thiện của hiệu suất sử dụng vốn thông qua việc thu hút các ngành công nghiệp giá trị cao và các ngành dịch vụ-đô thị hiện đại, song song với việc hiện đại hóa ngành nông lâm thủy sản
50	Cần bổ sung đề xuất các cơ chế, chính sách có tính đột phá cho tỉnh Thái Bình phát triển	Các nội dung này đã được đề cập tại phần giải pháp
	<b>VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH THÁI BÌNH THỜI KỲ 2021- 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.</b>	
51	Cần rà soát lại các nội dung như: quan điểm phát triển, các mục tiêu, chỉ tiêu; tầm nhìn đến năm 2050...; cần cân nhắc lựa chọn các nội dung nào quan trọng để đưa vào quyết định để được phê duyệt và triển khai. Rà soát các phụ lục kèm theo, các công trình dự án cần thể hiện trên bản đồ theo tỷ lệ qui định.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát các nội dung của dự thảo quyết định phù hợp với Báo cáo tổng hợp
	<b>Bản báo cáo Quy hoạch tổng hợp có nhiều lỗi chính tả, có một số phần hầu như trang nào cũng có lỗi chính tả, cần rà soát kỹ càng hơn.</b>	
52	Kiến nghị: Nhìn chung bản quy hoạch của tỉnh Thái Bình có nhiều chất liệu, nhưng chưa biên tập kỹ, nhiều chỗ quá chi tiết, thiếu liên kết chặt chẽ, cần bổ sung chỉnh sửa theo góp ý của các thành viên Hội đồng./.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến góp ý trong quá trình hoàn thiện QHT



**Phụ lục 23**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TS. NGUYỄN TRUNG THẮNG**

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<b>Những kết quả và ưu điểm của Báo cáo Quy hoạch</b>	
1	<p>QHT Thái Bình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, phân tích, đánh giá hiện trạng, dự báo các nhu cầu, điều kiện phát triển và đưa ra các phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. Các ưu điểm chính của Dự thảo QHT gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- QHT Thái Bình thời kỳ 2021-2030 hướng tới phát triển nhanh và bền vững trên cả 3 trụ cột kinh tế - xã hội – môi trường. Lấy công nghiệp và đô thị làm động lực tăng trưởng chủ yếu gắn với hình thành, phát triển các trục và địa bàn trọng điểm. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT và giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới một nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.</li> </ul> <p>Các quan điểm, mục tiêu của QHT Thái Bình về cơ bản là phù hợp với định hướng phát triển của đất nước, đã được đề ra trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trong chiến lược phát triển KTXH, chiến lược BDKH và Chiến lược BVMT quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo QHT Thái Bình đã đề cập đến các nội dung về tài nguyên và môi trường, bao gồm: (i) phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (ĐDSH); (ii) phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên khoáng sản; (iii) phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; (iv) phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và; (v) phương án phân bổ sử dụng đất.</li> </ul> <p>Các nội dung trong Báo cáo QHT đã bám sát các yêu cầu theo quy định tại các khoản 7, 9,10,11,12 Điều 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Các phương án quy hoạch đề xuất đưa ra cơ bản là phù hợp với các định hướng quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BDKH của quốc gia.</p> <p>Báo cáo quy hoạch tỉnh cũng đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học. Cụ thể, Báo cáo QHT đã làm rõ nét hơn, lồng ghép các nội dung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.</p>	Nhất trí
	<b>Một số góp ý để hoàn thiện Dự thảo Quy hoạch</b>	
2.1	<i>Các góp ý chung</i>	

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
2	<p>- Báo cáo QHT Thái Bình cần bám sát các chủ trương, chính sách của Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để bảo đảm sự thống nhất của Quy hoạch với phương hướng phát triển vùng, và định hướng phát triển quốc gia. Trong đó, Nghị quyết đã nhấn mạnh một số điểm: (i) phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển; (ii) khẩn trương khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn, nhất là các làng nghề; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải; (iii) Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng cửa Sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Các mục tiêu, định hướng, chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2505 được xây dựng đã bám sát với các chủ trương, chính sách của đảng và đã tích hợp các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng... đảm bảo việc Phát triển KT-XH gắn với bảo vệ môi trường và giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới một nền kinh tế xanh, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.</p>
3	<p>- Về sự phù hợp với các quy hoạch quốc gia, vùng. QHT Thái Bình được lập trong bối cảnh nhiều quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng chưa được phê duyệt như: quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia, quy hoạch tổng thể về quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng.... đang được xây dựng, chưa được phê duyệt. Do đó, cần tiếp tục xem xét, cập nhật với các quy hoạch này.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Quy hoạch tỉnh Thái Bình đã tích hợp các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng đã được phê duyệt như: Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch giao thông; Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị...; Đối với các Quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng đang được xây dựng, Tỉnh sẽ tiếp tục bám sát để cập nhật cho phù hợp.</p>
2.2. Về căn cứ pháp lý lập quy hoạch		
4	<p>- Đề nghị rà soát, bổ sung: (i) Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (ii) Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022; và các văn bản khác có liên quan.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại Mục 2- Phần thứ I của Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
2.3. Về các yếu tố, điều kiện quốc gia, vùng (trang 57)		
5	<p>- Về dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế (trang 38), Báo cáo QHT có đề cập Thái Bình đang có chủ trương lấn biển, tạo không gian phát triển, theo quy hoạch khu kinh tế. Lấn biển là hoạt động gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái biển ven bờ, do đó Báo cáo QHT cần chú trọng các giải pháp đánh giá tác động, bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến của chuyên gia</p>
6	<p>- Báo cáo QHT Thái Bình đã đề cập khá rõ nét về kịch bản BĐKH và các tác động, đặc biệt là nước biển dâng. Về cam kết của Việt Nam với thế giới trong nỗ lực chung ứng phó với BĐKH được thể hiện trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) (trang 62), đề nghị Báo cáo QHT cập nhật theo Bản NDC mới nhất vào tháng 11/2022, theo đó, bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030 Việt Nam sẽ giảm 15,8% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường và tăng đóng góp lên tới 43,5% khi có hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế mới theo Thỏa thuận Paris. Báo cáo cũng cần đề cập tới cam kết và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thực hiện các mục tiêu PTBV SDG 2030, phát triển kinh tế tuần hoàn. Việt Nam cũng đã ký quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với việc sớm đạt đỉnh phát thải vào năm 2030 và thực hiện loại bỏ dần nhiệt điện than.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa và bổ sung tại Điểm 2- Phần IV - Mục I - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
2.4 Về phân tích, đánh giá hiện trạng		

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
7	<p>- Về thực trạng phát triển ngành nông nghiệp, Báo cáo QHT cần bổ sung đánh giá hiện trạng ứng dụng cũng như các lợi thế, cơ hội thực hiện các giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến góp ý và nhấn mạnh về việc phát triển nông nghiệp theo hướng CNC, hữu cơ, tuần hoàn tại Mục II/I/2.2.9. Ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và sản xuất của Báo cáo thuyết minh tổng hợp QH tỉnh Thái Bình</p>
8	<p>- Báo cáo QHT chưa làm rõ thực trạng phát triển làng nghề ở Thái Bình và vấn đề ô nhiễm môi trường có liên quan. Theo thống kê, Thái Bình có khoảng 83 làng nghề, trong đó có 04 làng nghề thuộc diện ô nhiễm nghiêm trọng cần được xử lý triệt để tại Đề án BVMT làng nghề và Chương trình mục tiêu quốc gia xử lý ô nhiễm môi trường 2012-2015 (Làng nghề dệt nhuộm Phương La, Hưng Hà; làng nghề chạm bạc Đồng Xâm, Kiến Xương; làng nghề chế biến bánh bún Vũ Hội, Vũ Thư; làng nghề chế biến thủy sản Thụy Hải, Thái Thụy).</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến góp ý và nhấn mạnh rõ hơn về việc phát triển NN theo hướng CNC, hữu cơ và NN tuần hoàn tại Mục II/I/2.2.10. Thực trạng phát triển ngành nghề nông thôn của Báo cáo thuyết minh tổng hợp QH tỉnh Thái Bình</p>
9	<p>- Về phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, Báo cáo QHT có đề cập đến 13 điểm yếu (trang 299), tuy nhiên chưa đề cập đến các điểm yếu về BVMT và phát triển bền vững, cụ thể gồm:</p> <p>+ Ô nhiễm môi trường gia tăng do: (i) trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chủ lực của tỉnh được đánh giá ở mức trung bình; khoảng 1/3 doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu; trong đó ngành dệt may – da giày; cơ khí, luyện kim và chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, đồ uống (là các ngành phân khúc công nghệ thấp) vẫn là các ngành thế mạnh của tỉnh với tổng mức đóng góp chiếm 78,5% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.</p> <p>(ii) Việc đầu tư hạ tầng BVMT các CCN còn chậm tiến độ, nhiều CCN chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải (chỉ có 3/44 CCN có hệ thống XLNT), chất thải để thu hút nhà đầu tư. Ô nhiễm môi trường một số CCN và các làng nghề chưa được cải thiện rõ nét, chậm được khắc phục, việc kiểm tra, kiểm soát được tăng cường, nhưng việc xử lý còn chậm.</p> <p>(iii) Chưa có cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô lớn đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn quy định, chưa có cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại. Mô hình xử lý CTRSH chủ yếu bằng công nghệ lò đốt rác kết hợp chôn lấp (132 xã, thị trấn) và chôn lấp (115 xã).</p> <p>+ Phát thải KNK từ nông nghiệp: Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, tỷ trọng nông nghiệp và trồng trọt còn khá cao. Quy mô phát triển ngành chăn nuôi và thủy sản chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Cây lúa còn chiếm tỷ trọng lớn về diện tích. Chăn nuôi gia trại, nhỏ lẻ phân tán vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Trồng lúa và chăn nuôi là những lĩnh vực phát thải khí nhà kính lớn, gây ảnh hưởng làm gia tăng BĐKH (Trên địa bàn tỉnh có khoảng 837 trang trại chăn nuôi gồm: 487 trang trại chăn nuôi lợn (49 trang trại quy mô lớn; 163 trang trại quy mô vừa và có 275 trang trại quy mô nhỏ); 258 trang trại chăn nuôi gia cầm (25 trang trại quy mô vừa; 233 trang trại quy mô nhỏ); 92 trang trại chăn nuôi trâu, bò (01 trang trại quy mô lớn; 8 trang trại quy mô vừa và 83 trang trại quy mô nhỏ).</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung tại Mục III/II/2. Điểm yếu của Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Thái Bình</p>
<p>2.5 Về phương án phát triển các ngành, lĩnh vực</p>		

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
10	<p>- Về phương án phát triển công nghiệp (trang 323), Báo cáo QHT nhấn mạnh phát triển Thái Bình trở thành trung tâm điện lực của miền Bắc (trang 324) với việc duy trì điện than để ổn định hệ thống. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết Đối tác chuyên đổi năng lượng công bằng (JETP) với các nước công nghiệp phát triển. Theo đó, sẽ có lộ trình để hạn chế phát triển và loại bỏ dần nhiệt điện than. Việc duy trì điện than cũng sẽ tạo khó khăn trong việc thu hút đầu tư các dự án xanh và giảm năng lực cạnh tranh, gây cản trở trong việc xuất khẩu các sản phẩm ra các thị trường quốc tế (ví dụ EU đã thực hiện cơ chế đánh thuế các-bon biên giới CBAM). QHT cần cân nhắc để phù hợp với xu thế phát triển chung của quốc gia và thế giới. Báo cáo QHT chưa đề cập rõ phương hướng phát triển tiêu thụ công nghiệp ở các làng nghề gắn với BVMT theo các quy định của Luật BVMT và Nghị định 08/2022/NĐ-CP. QHT Thái Bình cần bổ sung giải pháp xây dựng phương án BVMT, lập và vận hành các tổ chức tự quản về BVMT và xây dựng hạ tầng BVMT trong các làng nghề. Cần bổ sung định hướng không khuyến khích phát triển các ngành, nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và có công nghệ sản xuất lạc hậu. Cần có giải pháp, lập và thực hiện kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề, di dời các cơ sở sản xuất thuộc các ngành nghề không khuyến khích phát triển ra khỏi làng nghề... theo như quy định tại Luật BVMT 2020 (Điều 56)</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đồng thuận ý tưởng của chuyên gia liên quan đến BVMT. Về trụ cột trung tâm điện lực miền Bắc, Cơ quan lập quy hoạch bảo lưu ý tưởng với lý do: Thái Bình là một trong số ít địa phương có tiềm năng về năng lượng tái tạo điện gió tại vùng BĐSH, ngoài khơi ven biển Thái Bình. Đây sẽ là cơ hội rất lớn để Thái Bình thu hút các dự án điện tái tạo, phù hợp với định hướng trong quy hoạch điện 8, và định hướng của chính phủ về trung hòa Carbon năm 2050. Ngoài ra, Thái Bình cũng là địa phương có nhà máy điện than lớn của vùng, tạo tiền đề để xây dựng hệ thống tuyến tải và nguồn phát phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh và các địa phương lân cận của vùng.</p>
11	<p>- Về phương án phát triển nông lâm, thủy sản (trang 354), Báo cáo QHT đề ra phương án giữ 45.000ha đất trồng lúa, tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi với 2.390 trang trại chăn nuôi (40% là quy mô vừa và lớn). Đây là những nguồn phát thải KNK lớn của tỉnh, Báo cáo QHT cần làm rõ và chi tiết hơn các giải pháp về phát triển, ứng dụng các mô hình KTTH, thực hiện các mô hình canh tác các-bon thấp; giảm phát thải và tham gia thị trường các-bon trong nông nghiệp.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung các giải pháp liên quan đến thực trạng phát triển làng nghề ở Thái Bình và vấn đề phát thải các bon ra môi trường có liên quan tại Điểm 1.2.8. Nhóm các giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp/I/Mục V/Phần II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>
12	<p>- Về phương án và giải pháp thoát nước (trang 600), Báo cáo QHT có đề ra phương án xử lý nước thải ở các đô thị, KCN, CCN. Tuy nhiên, Báo cáo chưa đưa ra các dự báo về lượng nước thải đô thị, nước thải công nghiệp phát sinh để làm cơ sở xây dựng phương án khả thi trong quy hoạch.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và bổ sung Dự báo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị, nông thôn</p>
<p>2.6 Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</p>		

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
13	<p>- Về phương án BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 664), Báo cáo QHT đề xuất giảm diện tích KBTTN đất ngập nước Thái Thụy (từ 6.560 xuống còn 3.698ha) và KBT thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải (từ 12.500 xuống còn 1.320ha) là rất lớn. Hành động này đi ngược lại với trào lưu chung của thế giới tại Khung bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu vừa mới thông qua tại Hội nghị COP15 của Liên hợp quốc, kêu gọi các nước tăng diện tích được bảo tồn lên 30% (cả trên cạn và dưới nước). Báo cáo QHT cũng chưa làm rõ việc giảm diện tích các KBT này sẽ được chuyển đổi sang mục đích gì và các tác động lên môi trường sẽ như thế nào.</p>	<p>Về đất khu bảo tồn thiên nhiên: Ngày 07/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Thái Bình, trong đó đối với khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc khu chức năng (không phải là chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện trong kỳ quy hoạch) dự kiến đến năm 2020 sẽ thực hiện khoanh định với diện tích là 25.600 ha, trong đó gồm: 12.500 ha theo số liệu tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án và Xác lập Khu rừng đặc dụng tại ba xã ven biển Nam Hưng, Nam Phú và Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Có tên gọi là Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải) và 13.100 ha tại huyện Thái Thụy theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đối với diện tích cửa sông Thái Thụy.</p> <p>Trong phương án Quy hoạch tỉnh: Tổng diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là 9805 ha. Theo đó: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước huyện Thái Thụy giữ nguyên với diện tích 6.560 ha theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh; Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải: Giảm diện tích do việc xác định vị trí, quy mô diện tích, ranh giới khu rừng đặc dụng tại ba xã ven biển Nam Phú, Nam Hưng và Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (có tên gọi là Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải) theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đối với Khu dự trữ thiên nhiên Tiền Hải là 3.245ha..</p>
14	<p>- Về phương án các khu xử lý chất thải (trang 673), Báo cáo QHT đưa ra dự báo về CTRSH phát sinh tổng khoảng 1.889 tấn/ngày, CTR công nghiệp khoảng 623 tấn/ngày. Tuy nhiên, phương án quy hoạch gồm 8 khu xử lý có công suất lên tới 4.089 tấn/ngày. Báo cáo QHT cần làm rõ hơn các loại CTR sẽ được xử lý tại các khu này. Bên cạnh đó, việc quy hoạch 8 khu xử lý với 02 khu có công suất tương đối lớn (Đông Hưng 772 tấn/ngày và KKT Thái Thụy 2.200 tấn/ngày) còn lại 6 khu chỉ với công suất 158-275 tấn/ngày là khá manh mún. Với các KXL công suất nhỏ khó có thể huy động đầu tư áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại (thường phải từ 500 tấn/ngày trở lên). Do đó, kiến nghị, nhóm tư vấn, nghiên cứu, xem xét dồn lại</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Trong báo cáo đã nêu rõ các khu xử lý là chất thải rắn sinh hoạt (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020). Các huyện, thành phố được tính toán theo quy mô dân số của từng vùng. Riêng đối với khu xử lý rác thải của Khu kinh tế 2.200 tấn/ngày đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 tại quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28/10/2019.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
15	<p>thành 2-3 KXL có công suất lớn hơn, có thể thu hút đầu tư các dự án xử lý chất thải có công nghệ tốt hơn, theo hướng xử lý không chôn lấp trực tiếp, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng như quy định của Luật BVMT 2020.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Trong báo cáo đề xuất 8 Khu xử lý mà không đưa ra các khu xử lý liên huyện căn cứ vào: (1) Việc bố trí, sắp xếp các khu xử lý rác tập trung với quy mô liên huyện khi đưa ra xin ý kiến không được nhân dân đồng thuận; (2) Địa hình của tỉnh Thái Bình là đồng bằng, mật độ dân cư khá dày nên việc lựa chọn, bố trí khu xử lý liên huyện gặp nhiều khó khăn do khó đảm bảo đúng yêu cầu về khoảng cách an toàn đến khu vực xung quanh; (3) Bên cạnh đó nếu bố trí khu xử lý rác thải liên huyện việc thu gom, vận chuyển rác thải gặp khó khăn do phải bố trí nhiều trạm trung chuyển rác thải trong từng vùng, nhân lực tại các vùng huyện khó đảm bảo xử lý tốt việc vận chuyển rác từ điểm trung chuyển đến khu xử lý rác thải nên không thể vận chuyển hết trong ngày dẫn đến rác tồn đọng lại tại điểm trung chuyển dễ gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến dân cư khu vực xung quanh trạm trung chuyển.</p>
16	<p>- Về phương án khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác (trang 683), Báo cáo QHT cần luận giải rõ hơn cơ sở và phương pháp dự báo nhu cầu các loại vật liệu xây dựng như cát sông, cát biển.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung cơ sở để dự báo nhu cầu sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình được dựa trên phương án phát triển kinh tế xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án trọng điểm; Các nhà máy nhiệt điện, các KCN, CCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Nội dung này được cụ thể hóa tại Nội dung đề xuất 05- Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình</p>
<b>Kết luận</b>		
17	<p>QHT tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được xây dựng công phu, chi tiết. Các nội dung về phân bổ sử dụng đất, bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu cơ bản bám sát các quy định tại Điều 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP và Quyết định 389/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch. Các phương án đề xuất trong QHT nhìn chung là phù hợp với định hướng chung về quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH. Tuy nhiên, QHT cần xem xét làm rõ hơn về hiện trạng BVMT làng nghề, về các yếu điểm về BVMT và phát triển bền vững; cần nhắc việc giảm diện tích các KBT thiên nhiên đất ngập nước, về lấn biển, phương án phát triển các KXL chất thải và các giải pháp giảm phát thải KNK trong các ngành, lĩnh vực./.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Các phương án đề xuất phát triển các ngành, các lĩnh vực đều được cân nhắc để đảm bảo quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là một tỉnh phát triển nhanh, toàn diện, bền vững trên cả ba mặt Kinh tế - xã hội - Môi trường</p>

**Phụ lục 24**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TS. HOÀNG MINH NGUYỆT**

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<b>Về hồ sơ thực hiện</b>	
	Đối chiếu với Điều 31 Luật Quy hoạch, tôi đánh giá Hồ sơ Quy hoạch đầy đủ và nghiêm túc.	
	<b>Về nội dung Báo cáo</b>	
	<b>Phần chung</b>	
	<b>Những thành công chủ yếu của Báo cáo</b>	
1	1. Về cơ bản, cấu trúc tổng thể của Báo cáo tuân thủ Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định 37).	Nhất trí
2	2. Phần lớn Báo cáo đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của các chuyên gia tại Hội thảo. Báo cáo cũng đã giải trình khá nghiêm túc ý kiến của các bộ và các sở, ban ngành của địa phương.	Nhất trí
3	3. Báo cáo đã đưa ra được bức tranh tổng thể về hiện trạng phát triển kinh tế-xã hội như: hiện trạng phát triển các ngành công nghiệp, nông lâm thủy sản, hạ tầng dịch vụ... và các lĩnh vực văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh, công tác quản lý khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, năng lượng, giao thông vận tải, cấp thoát nước, thông tin truyền thông, phân bố không gian đô thị và nông thôn... của Thái Bình trong những năm qua.	Nhất trí
4	4. Báo cáo cũng đã tập trung đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội cũng như thách thức của Thái Bình. Qua đó chúng ta phần nào thấy được “khát vọng” tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Tỉnh và những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển.	Nhất trí
5	5. Báo cáo cũng đã xây dựng quan điểm, mục tiêu phát triển cho Thái Bình theo từng giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 có xét tầm nhìn đến 2050.	Nhất trí
6	6. Báo cáo cũng đã xây dựng 3 kịch bản phát triển kinh tế-xã hội của Thái Bình theo từng giai đoạn 5 năm. Trên cơ sở phân tích các phương án, Báo cáo lựa chọn phương án 2 là phương án phát triển cho Thái Bình trong những năm tới là chấp nhận được, bởi phương án này thực sự là linh hoạt nếu Thái Bình gặp những khó khăn ảnh hưởng đến quá trình phát triển (phương án 1) hay có những cơ hội thuận lợi để bứt phá (phương án 3).	Nhất trí
7	7. Trên cơ sở những mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn, Báo cáo đã xây dựng được phương án phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (gồm công nghiệp, nông lâm thủy sản, thương mại dịch vụ), phương hướng phát triển các ngành lĩnh vực văn hóa, phương án tổ chức không gian kinh tế-xã hội các khu chức năng, phương án xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường... để đảm bảo thành công mục tiêu quy hoạch đề ra.	Nhất trí
8	8. Các phụ lục để diễn giải phần thuyết minh cũng được liệt kê ở cuối của phần Báo cáo tổng hợp.	Nhất trí
	<b>Những vấn đề cần xem xét bổ sung, chỉnh sửa</b>	
	<b>Về bố cục</b>	
9	Tại điều 28 của Nghị định 37 đã có hướng dẫn rất cụ thể nội dung trong quy hoạch tỉnh, nhưng bố cục của Báo cáo lại chia nhỏ thành nhiều nội dung làm người đọc khó theo dõi.	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
10	<p>Ví dụ: Tại Khoản 2 Điều 28 ND 37 quy định: 2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn bao gồm 5 nội dung: (a) Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực; (b) Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh gồm dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ; (c) Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh; (d) Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh; (đ) Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại nội dung của Báo cáo đảm bảo phù hợp với Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/ND-CP và Đơn vị cũng đã bổ sung nội dung: VIII. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, TÍCH HỢP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC TRONG QUY HOẠCH TỈNH; PHẦN THỨ III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH</p>
11	<p>Báo cáo chia thành 14 tiểu mục, vừa khó theo dõi vừa dễ bị trùng lặp, ví dụ mục 3.2.4 phần I (trang 27 Báo cáo) nên đưa về phần II của Báo cáo hoặc phần mạng lưới kho xăng dầu bị trùng lặp với phần hiện trạng phát triển ngành năng lượng...</p>	
12	<p>Hoặc tại điểm e, Khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch quy định: e) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; nhưng Báo cáo lại xếp phương án phát triển mang lưới điện vào mục 11 Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật của Phần IV: Phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường. Điều này chưa tương xứng với sự phát triển của ngành Năng lượng trong thời gian tới đây tại Thái Bình.</p>	
13	<p>2. Phân tích 3 kịch bản tôi thấy có vấn đề sau: mặc dù là giai đoạn 5 năm, nhưng thực chất thời điểm này chúng ta đã nhìn “khá rõ” cho những năm tới của kỳ kế hoạch 5 năm 2021-2025, nhưng có sự “bất cập” giữa các kịch bản tăng trưởng của ngành NLTS: kịch bản 1 tăng 0,1%/năm; kịch bản 2: tăng 2,1%/năm và kịch bản 3 là tăng 3,1 %/năm. Do đó cần có sự giải thích.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Các kịch bản phát triển của ngành nông nghiệp nằm trong khoảng từ 0.1% - 3.1% trong giai đoạn 2021-2025 nhìn chung là khá khiêm tốn so với các ngành khác. Mức chênh giữa các kịch bản sẽ phụ thuộc vào các yếu tố liên quan đến khả năng thực hiện quy hoạch trong thời kỳ từ nay đến 2025 và nhu cầu cho các sản phẩm nông lâm thủy sản của không chỉ tại địa phương mà còn trong vùng</p>
14	<p>3. Thiếu sự nhất quán về ngành nghề giữa phần hiện trạng và quy hoạch, ví dụ: ở phần hiện trạng thì các lĩnh vực cấp, thoát nước, thủy lợi, năng lượng, thông tin truyền thông... được phân tích độc lập nhưng ở phần quy hoạch lại đưa các ngành này về mục phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và kết cấu lại đối với các lĩnh vực cấp, thoát nước, thủy lợi, năng lượng, thông tin, truyền thông được tổng hợp vào mục Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật</p>
15	<p>4. Còn đôi chỗ thiếu sự liên kết giữa thuyết minh và phụ lục, một số bảng biểu thiếu nguồn trích dẫn.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung trích dẫn cho các bảng biểu số liệu trong thuyết minh tổng hợp Quy hoạch</p>
16	<p>5. Cần rà soát lại lỗi chính tả, thống nhất giữa phần mục lục và thuyết minh. Theo đó đề nghị rà soát lại toàn bộ nội dung ở trang 451 (lẫn lộn giữa nông nghiệp và công nghiệp)</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát các lỗi chính tả và lỗi trình bày. Đơn vị sẽ tiếp tục rà soát chỉnh sửa vào bản Báo cáo cuối cùng trước khi trình Chính phủ phê duyệt</p>
	<p><b>Lĩnh vực công nghiệp - thương mại</b></p>	
	<p><b>Phần hiện trạng</b></p>	



STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
17	<p>1. Hiện trạng phát triển công nghiệp: Mặc dù được đánh giá là ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, với khoảng 13 trang (từ trang 68 đến trang 81) của Báo cáo trình bày là quá ngắn và thiếu ngành công nghiệp năng lượng. Do đó chưa làm nổi bật sự hòa nhịp với cả nước trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn lên tầm cao mới nhờ sự đột phá trong ngành Công nghiệp Thái Bình. Một số bảng biểu mang tính trùng lặp (bảng 12, 13 thực chất là bảng 11 chia thành 2). Bảng 11, 12, 13 có số liệu của ngành công nghiệp năng lượng trong ngành công nghiệp, nhưng rất tiếc lại thiếu vắng phần trình bày sự phát triển của ngành công nghiệp này. Vì vậy, tôi đề nghị bổ sung.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung hiện trạng ngành công nghiệp năng lượng tại Điểm 2.1. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp/I/Mục II/ Phần thứ I của Báo cáo thuyết minh tổng hợp</p>
18	<p>2. Ngành Năng lượng được nhóm nghiên cứu đề tách phần hiện trạng ngành công nghiệp như một ngành độc lập, nhưng đến phần quy hoạch lại đưa ngành năng lượng vào nhóm “kết cấu hạ tầng kỹ thuật” (trang 607 BC), trong khi phần hiện trạng lại không có hạng mục kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Việc “gói ghém” toàn bộ ngành năng lượng vào hạ tầng kỹ thuật là chưa xứng tầm với ngành năng lượng của Thái Bình, bởi với hệ thống nguồn khai thác khí, hệ thống điện ở Thái Bình những năm tới đây thì ngành năng lượng của Thái Bình xứng tầm một ngành công nghiệp như trong niên giám thống kê của Thái Bình đã có số liệu về hiện trạng ngành công nghiệp năng lượng. Như vậy là chưa có sự nhất quán từ hiện trạng đến quy hoạch đối với ngành năng lượng.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình như sau: Về phương hướng phát triển ngành năng lượng đã được đề cập tại Điểm 1.1.4.2. Trụ cột 2 – Các ngành công nghiệp tiềm năng trong phần Phương hướng phát triển ngành công nghiệp (thuộc phần: 1. Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng - I - Mục IV - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp); Tại Điểm 5. Phương án phát triển năng lượng - Mục III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT (thuộc Mục IV - Phần thứ II của báo cáo thuyết minh tổng hợp) là phương án bố trí hạ tầng kỹ thuật của ngành năng lượng.</p>
19	<p>3. Quan niệm ngành năng lượng có cả kho xăng dầu, trong ngành năng lượng có phân ngành năng lượng tái tạo, lưới điện chi có đường dây là chưa hợp lý và sai về lý thuyết hệ thống điện. Theo quan điểm của tôi thì không nên đưa phần kho xăng dầu và kho LPG vào ngành năng lượng mà nên chuyển phần này vào mục hạ tầng thương mại, lưới điện bao gồm TBA và đường dây, nguồn điện bao gồm các loại hình nguồn như nhiệt điện, thủy điện NLTT..., đúng với bản chất của ngành công nghiệp năng lượng, hệ thống điện và thương mại.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chuyển phần hiện trạng các kho xăng dầu và LPG về phần hạ tầng thương mại tại Điểm 6.3. Mạng lưới các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu - VII - Mục II - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.</p>
<b><i>Hiện trạng phát triển năng lượng</i></b>		
20	<p>Chuẩn xác và bổ sung hiện trạng Trung tâm nhiệt điện Thái Bình.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến và bổ sung vào Thuyết minh quy hoạch tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050 vào bản cuối.</p>
21	<p>Bổ sung và chuẩn xác số liệu mang tải của lưới điện 220-110kV trên địa bàn Thái Bình ở bảng 35, bảng 36, bảng 37, bảng 38. Theo đó, bổ sung nguồn tải liệu.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung vào mục 5.2.5.2. lưới điện 220KV và 5.2.5.3. Lưới điện 110KV</p>
22	<p>Phần lưới điện trung, hạ áp trình bày quá sơ sài, trong khi đây là phần cốt lõi khi lập quy hoạch lưới điện phân phối cho Thái Bình trong những năm tới. Vì vậy tôi đề nghị bổ sung.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại Điểm 2.3.2.3. Lưới điện phân phối và Bảng 43 trong báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái Bình</p>
<b><i>Báo cáo đã đánh giá khá kỹ tình hình hoạt động của các KCN, CCN trên địa bàn Tỉnh, nhưng rất tiếc lại thiếu đánh giá về độ lấp đầy từng khu, cụm công nghiệp. Vì vậy tôi đề nghị bổ sung.</i></b>		
<b><i>Hiện trạng ngành thương mại và dịch vụ, hạ tầng thương mại</i></b>		

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
23	Làm rõ hơn nữa hoạt động thương mại của Tỉnh trong những năm qua.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung trình bày chi tiết ở Nội dung đề xuất số 12 - Thực trạng và phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Trong báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh xin phép được trình bày tổng quát.
24	Phần hạ tầng dịch vụ thương mại được trình bày ở trang 230 và 231, trong đó thống kê số chợ, số trung tâm thương mại, mạng lưới kho xăng dầu... mà thiếu đi sự phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của các hình thức dịch vụ thương mại như: đánh giá mức đóng góp của ngành thương mại trong bức tranh chung của nền kinh tế - xã hội, đánh giá độ đáp ứng cũng như chất lượng của ngành thương mại... tôi đề nghị bổ sung.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Nội dung đánh giá mức đóng góp của ngành thương mại trong bức tranh chung của nền kinh tế - xã hội, đánh giá mức độ đáp ứng cũng như chất lượng ngành thương mại được thuyết minh tại Điểm 2.3.2. Thực trạng hoạt động thương mại - I - Mục II - Phần thứ II;
25	Chuẩn xác lại số lượng chợ (218 chợ hay 221 chợ ?).	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát chuẩn xác lại thông tin Hiện trạng số lượng chợ trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 221 chợ
26	Chuẩn xác lại sức chứa của kho xăng dầu trung chuyển Thái Bình, tại trang 186 Báo cáo thì sức chứa kho này là 6.800 m3, nhưng trang 230 Báo cáo lại là 12.000 m3	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát chuẩn xác lại thông tin sức chứa Kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình, xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình có tổng sức chứa 12.000m3.
27	Làm rõ số lượng thương nhân phân phối xăng dầu và số lượng kho dưới 5000 m3 trên địa bàn Thái Bình.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung nội dung này đã được thể hiện tại Điểm 6.3. Mạng lưới các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu - VII - Mục II - Phần II, theo đó: hiện tại trên địa bàn tỉnh có 05 kho xăng dầu dưới 5.000m3 của 04 Công ty phân phối.
28	Làm rõ số lượng theo phân loại các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại Điểm 6.3. Mạng lưới các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu - VII - Mục II - Phần II, theo đó: Hiện có 238 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền và 16 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên mặt nước (thuộc 114 doanh nghiệp) đã được cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm 81 cửa hàng cấp 1, 129 cửa hàng cấp 2 và 44 cửa hàng cấp 3
<b>Phương hướng phát triển</b>		
29	1. Đề nghị bổ sung các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội cụ thể giai đoạn 2026-2030	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã hệ thống lại các chỉ tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch tại Bảng 65 trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp và đã rà soát vào Dự thảo quyết định phê duyệt

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
30	2. Với quỹ đất hạn chế, trình độ nhân lực cao khan hiếm, vị trí địa kinh tế cũng hạn chế so với các Tỉnh bạn (Hải Phòng, Quảng Ninh...) tôi đề nghị xem xét thống nhất mục tiêu xây dựng Thái Bình thành trung tâm điện lực của miền Bắc (trang 324 Báo cáo) hay trung tâm sản xuất năng lượng hàng đầu của vùng ĐBSH (trang 320 Báo cáo).	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Thái Bình với tiềm năng điện tái tạo (điện gió) và là nơi có nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, có công suất khá lớn, có thể là một trung tâm sản xuất điện lớn của vùng ĐBSH, cung cấp nguồn điện cho các trung tâm công nghiệp, vận tải lớn của vùng như Hải Phòng, giảm áp lực cho hệ thống điện lưới quốc gia.
31	2. Với trụ cột 1 của nền kinh tế Thái Bình là “ Xây dựng Thái Bình thành trung tâm công nghiệp từng bước hiện đại hóa...”, theo tôi Thái Bình nên thay từ “từng bước” thành “theo hướng” hiện đại hóa sẽ phù hợp hơn với sự phát triển hiện nay của ngành công nghiệp cả nước.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa Trụ cột 1: "Xây dựng Thái Bình trở thành trung tâm công nghiệp theo hướng hiện đại với các ngành chủ đạo: công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện – điện tử, công nghiệp năng lượng - hướng tới trở thành trung tâm sản xuất năng lượng hàng đầu vùng ĐBSH."
<b><i>Quy hoạch phát triển</i></b>		
<i>Đôi với ngành công nghiệp</i>		
32	Ngành công nghiệp khai khoáng và vật liệu xây dựng được xem như là 1 trong những ngành công nghiệp thuộc trụ cột 3, nhưng không thấy phương hướng phát triển ngành công nghiệp này. Đề nghị xem xét, bổ sung.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Khai khoáng và vật liệu xây dựng được xem là các ngành an sinh xã hội, tạo việc làm cho địa phương
33	Cần phân định rõ ràng giữa ngành công nghiệp năng lượng và hạ tầng năng lượng phục vụ địa phương theo quy định tại điểm e Điều 27 Luật Quy hoạch.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã trình bày phần ngành năng lượng thành một mục của ngành công nghiệp; phân hạ tầng năng lượng được trình bày thành một mục trong phần hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy định tại Điểm e Điều 27 Luật Quy hoạch
34	Cần xem xét lại cách trình bày số liệu ở bảng 62: Phương án phát triển các KCN thời kỳ 2021-2030. Ví dụ diện tích KCN Phúc Khánh sau 2030 thêm 151,4ha hay giữ nguyên như diện tích năm 2030?...	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã trình bày chi tiết số liệu về các KCN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục số 47 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
35	Báo cáo ở trang 613 có nêu phần quy hoạch phát triển nguồn điện được tuân thủ theo Dự thảo TSD 8, theo đó đến năm 2030 trên địa bàn Thái Bình sẽ bổ sung thêm 1154MW điện gió gồm trên bờ và ngoài khơi, năm 2050 sẽ thêm 5000MW điện gió trên bờ và ngoài khơi. Tôi đề nghị chuẩn xác lại nội dung này vì trong TSD 8 không có nội dung này.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa, bổ sung tại mục 5.2.4. Nguồn điện trong phần 5. Quy hoạch Năng lượng
36	Rà soát lại phần đất bố trí phát triển ngành Năng lượng.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Quỹ đất bố trí cho phát triển ngành năng lượng đến năm 2030 là 920 ha, tăng khoảng 650 ha so với hiện trạng đáp ứng đủ cho nhu cầu xây dựng các công trình năng lượng, các dự án điện gió, trạm biến áp, đường dây 500KV...

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
37	Cần xác định mốc thời gian loại bỏ khỏi quy hoạch một số CCN cũng như xây dựng mới một số CCN.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu bổ sung tại Điểm 5.2.5. Quy hoạch mạng lưới cụm công nghiệp/II/Mục V/Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
38	Chuyển cụm từ “quy hoạch hệ thống phân phối xăng dầu...đảm bảo an toàn ổn định 06 kho tồn trữ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh” về phần quy hoạch phát triển thương mại sẽ hợp lý hơn.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã chuyển nội dung định hướng phát triển hệ thống phân phối xăng dầu về Mục 6. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ - IV - Mục V - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
39	Đề nghị chuyển nội dung quy hoạch hệ thống phân phối xăng dầu về phần quy hoạch kết cấu hạ tầng thương mại. Theo đó cần xây dựng tiêu chí xây dựng các cửa hàng xăng dầu và số lượng các loại cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố, huyện... theo các tuyến đường giao thông của Tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và tiến hành chỉnh sửa tại phần III. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật/ mục 5. Phương án phát triển năng lượng
40	Đề nghị cân nhắc việc đưa 20 KCN và 9 CCN vào quy hoạch sau năm 2030, trong khi Báo cáo được xác định là quy hoạch tới năm 2030 và sau 2030 là tầm nhìn. Theo tôi là nội dung này chưa phù hợp với Nhiệm vụ được phê duyệt.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Việc đề xuất đột biến đất CCN, TTCN tại Thái Bình cao hơn với các thời kỳ quy hoạch trước là do việc thu hồi và GPMB còn khó khăn nên phải có định hướng trước để người dân và các địa phương có kế hoạch chuyển đổi nghề, tránh việc thu hồi đột ngột khi người dân chưa chuẩn bị, quá trình này có thể phải định hướng trước 5 đến 10 năm.
<i>Đôi với ngành thương mại</i>		
41	Quy hoạch hạ tầng thương mại cần rất cụ thể, di chuyển đi đâu và xây mới ở đâu? giai đoạn nào? Vì vậy tôi đề nghị: (1) xây dựng bộ tiêu chí xóa bỏ và xây mới các chợ; (2) Làm rõ giai đoạn đến 2025 và đến 2030 số lượng các chợ, các trung tâm thương mại, siêu thị, logistic. Theo đó tôi đề nghị: (1) làm rõ các mốc xây dựng và cải tạo hệ thống chợ tại Bảng 54; (2) làm rõ các mốc xây dựng và cải tạo hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, logistic... và cần định hướng bố trí các TTTM, siêu thị kết hợp với các tòa nhà ở cao tầng nhằm tiết kiệm đất đai cho Tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung làm rõ các nội dung theo ý kiến
42	Ở trang 607 có nêu “đảm bảo an toàn ổn định 06 kho tồn trữ xăng dầu trên địa bàn Tỉnh”, trong khi ở trang 186 Báo cáo nêu trên địa bàn Tỉnh có 02 kho dự trữ xăng dầu và một số kho có quy mô nhỏ hơn 5000m3. Tôi đề nghị làm rõ nội dung này là quy hoạch hay hiện trạng? Theo đó, tôi đề nghị cần thống nhất số liệu về sức chứa của 2 kho dự trữ xăng dầu với số liệu của Bộ Công Thương.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến của chuyên gia và đã trình bày nội dung về quy hoạch kho xăng dầu tại mục Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ; Đến năm 2030, sẽ đảm bảo an toàn ổn định 06 kho tồn trữ xăng dầu trên địa bàn tỉnh; Bổ sung thêm 01 Kho dự trữ xăng dầu dung tích kho dưới 5.000 m3 tại vị trí thuộc khu quy hoạch bến cảng Ba Lạt, xã Nam Phú, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
<b>VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT</b>		
43	Dự thảo quá dài, nhiều câu văn không phù hợp với văn phong của quyết định phê duyệt, đôi chỗ còn lẫn lộn với hiện trạng, cụ thể:	
44	Còn lẫn cả nội dung hiện trạng trong Dự thảo (ví dụ: Dự án trung tâm nhiệt điện Thái Bình...).	
45	Quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhưng các ngành quan trọng lại chỉ phê duyệt tầm nhìn?	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
46	Văn phong chưa phù hợp, với quyết định phê duyệt chỉ có thể là tiếp tục thực hiện hay hủy bỏ các quyết định trước đây (ví dụ mục đường sắt ven biển...), hay Quyết định phê duyệt của TTg thì không thể là lựa chọn mà phải là phương án phát triển để địa phương và các ngành liên quan thực hiện (ví dụ mục lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội...)...	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và soát toàn bộ dự thảo Quyết định phê duyệt cho phù hợp, đồng bộ
47	Bổ sung phương án phát triển thương mại và hạ tầng thương mại.	
48	Đề nghị loại bỏ toàn bộ nội dung nguồn phát điện và lưới truyền tải 500 - 220kV ra khỏi Dự thảo để tránh sự chồng chéo khi TTg phê duyệt TSD 8.	
49	Sắp xếp phân bố không gian về cùng một mục theo thứ tự: phân bố không gian các ngành quan trọng, phân bố không gian các hoạt động kinh tế của Tỉnh..., tránh tản mạn để ở các mục rất khó theo dõi.	
50	Rà soát lại toàn bộ nội dung Dự thảo, loại bỏ các nội dung hiện trạng, loại bỏ các phần mang tính quy hoạch ngành, quốc gia.	
51	Rà soát, bổ sung phần phương hướng phát triển các ngành quan trọng đến năm 2030 theo đúng tên của giai đoạn quy hoạch. Theo đó cần bổ sung các trụ cột phát triển công nghiệp, các mục tiêu phát triển ngành NLTS và dịch vụ.	
52	Chuyển phần II. 1.2 “không gian phát triển các ngành quan trọng” về phần IV. Phát triển không gian, lãnh thổ.	
<b>Kết luận</b>		
53	Trong tâm nhìn chuyên môn của người đọc, tôi đánh giá về cơ bản Báo cáo đã bảo đảm các yêu cầu theo Nghị định 37, nhưng phần biên tập chưa xứng với kết quả nghiên cứu. Vì vậy tôi đề nghị:	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và kết cấu lại báo cáo đảm bảo theo Điều 28 Nghị định 37
<b>Về phần hiện trạng</b>		
54	Bổ sung phần hiện trạng ngành công nghiệp năng lượng vào phần hiện trạng ngành công nghiệp,	Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung nội dung hiện trạng ngành công nghiệp năng lượng tại Điểm 2.1. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp/I/Mục II/ Phần thứ I của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
55	Bổ sung phần cửa hàng xăng dầu và kho xăng dầu vào phần hiện trạng ngành thương mại và hạ tầng thương mại.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung Điểm 6.3. Mạng lưới các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu - VII - Mục II - Phần II
<b>Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực</b>		
56	Tổng nhất theo cùng form trình bày phương hướng phát triển cho các ngành, lĩnh vực. Ví dụ ngành công nghiệp thì gần như đi từ bài học thực tế, tầm nhìn phát triển, đến xây dựng phương án phát triển trong khi đó ngành nông nghiệp thì lại trình bày quan điểm phát triển, quy hoạch... ngành thương mại dịch vụ thì lại tầm nhìn, mục tiêu, phương hướng phát triển, ngành thì quy hoạch theo từng mốc thời điểm quy hoạch...	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã rà soát chỉnh sửa chi tiết các nội dung theo ý kiến cụ thể
57	Làm rõ hơn nữa bức tranh kinh tế-xã hội của Tỉnh tại các mốc thời gian quy hoạch 2025; 2030 và tầm nhìn 2050.	
58	Đối với các ngành đã có quy hoạch ngành quốc gia (quy hoạch ngành năng lượng...) nên tuân thủ theo đúng quy định tại Luật Quy hoạch để tránh những trùng lặp không đáng có, hoặc chia nhỏ các nội dung khó theo dõi (ví dụ ngành năng lượng...).	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
59	Tách phần quy hoạch ngành công nghiệp năng lượng khỏi mục quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình như sau: Về phương hướng phát triển ngành năng lượng đã được đề cập tại Điểm 1.1.4.2. Trụ cột 2 – Các ngành công nghiệp tiềm năng trong phần Phương hướng phát triển ngành công nghiệp (thuộc phần: 1. Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng - I - Mục IV - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp); Tại Điểm 5. Phương án phát triển năng lượng - Mục III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT (thuộc Mục IV - Phần thứ II của báo cáo thuyết minh tổng hợp) là phương án bố trí hạ tầng kỹ thuật của ngành năng lượng.
<b>Phần dự thảo quyết định phê duyệt</b>		
60	Thống nhất nội dung giữa Báo cáo và Dự thảo (ví dụ : nội dung phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên...)	
61	Chuẩn văn phong Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ;	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và rà soát chỉnh sửa chi tiết các nội theo ý kiến cụ thể
62	Tránh các nội dung chồng chéo khi các quy hoạch ngành được TTg phê duyệt./.	

**Phụ lục 25**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA PGS.TS. NGUYỄN CHU HÒI**

<b>STT</b>	<b>Ý kiến góp ý</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>
	<b>Hồ sơ, tài liệu nhận xét</b>	
1		Nhất trí
2	Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Thái Bình về việc đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Thái Bình và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí
3	Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt)	Nhất trí
4	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí
5	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý và Báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa đối với Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí
6	Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí
	Hệ thống sơ đồ, bản đồ về Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
	<b>Ý kiến nhận xét</b>	
7	<b>Ưu điểm chính</b>	
8	Sau khi đã tiếp thu, bộ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 đã được chỉnh sửa, cập nhật, tiếp thu tối đa, bảo đảm chất lượng và số lượng sản phẩm (như liệt kê ở mục II nói trên) theo đúng quy định của Luật Quy hoạch 2017.	Nhất trí
9	Về cơ bản, dự thảo Báo cáo cuối cùng (trình Hội đồng thẩm định) về Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 được chuẩn bị công phu, phù hợp và sát với thực tế địa phương, nên có tính khả thi. Báo cáo Tóm tắt đã rút ngắn còn 83 trang, phản ánh được các nội dung và kết quả chính của Quy hoạch Thái Bình 2030.	Nhất trí
10	Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 đã được trình bày trong 853 trang và 100 trang phụ lục, vượt số trang khá nhiều so với dự thảo góp ý lần trước. Báo cáo đã đề cập các nguyên tắc, quan điểm, tầm nhìn, định hướng mục tiêu, chủ trương và nhiệm vụ lớn, cũng như các giải pháp thực hiện quy hoạch,...Nhìn chung, các thông tin dẫn ra trong báo cáo có độ tin cậy, khá hệ thống, dễ theo dõi và có tính dẫn xuất, logic.	Nhất trí
11	Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 đã phân bổ không gian cho các định hướng phát triển khá cụ thể và được thể hiện trong bộ sơ đồ, bản đồ quy hoạch. Trong đó, đã làm rõ ranh giới 6 và 3 hải lý để làm căn cứ xác định phạm vi không gian biên với một số lợi thể thuộc quyền khai thác, sử dụng và quản lý của tỉnh Thái Bình.	Nhất trí
12	Tập bản đồ quy hoạch kèm theo Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 bao gồm 43 bản đồ có tỷ lệ phần lớn là 1/50.000 và số ít là 1/100.000. Các bản đồ này đã hiển thị các thông tin không gian về các yếu tố phát triển “đơn tính” và của từng lĩnh vực quan trọng, về hiện trạng và định hướng quy hoạch phát triển và tổ chức không gian phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí
	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 dày 68 trang, bao gồm 29 trang phụ lục. Dự thảo quyết định này bảo đảm cân đối về hình thức, và các nội dung đề cập đến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Thủ tướng với các phụ lục minh họa tương ứng.	Nhất trí
13	<b>Một số lưu ý</b>	
14	Để tiếp tục hoàn thiện bản Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050 trình Chính phủ xem xét, phê duyệt, cơ quan chủ trì và nhóm tư vấn xây dựng quy hoạch cần lưu ý một số vấn đề / khía cạnh sau:	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
15	Trong báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050, tiểu mục 3.4 (trang 31) ghi là “Tài nguyên biển” khá khiên cưỡng vì nội dung chỉ trình bày tài nguyên sinh vật và nguồn lợi thủy sản. Trong khi khí đốt, du lịch ven biển và rừng ngập mặn,... lại tách riêng khỏi tài nguyên biển. Đồng thời ở trang 37 và 38 lại đề cập đến thành phần loài thủy sản và các nhóm sinh vật khác. Vì vậy, để không phải chỉnh sửa nhiều, đề nghị đổi tiểu mục (3.4) nói trên thành “Nguồn lợi thủy sản nước mặn-lợ”.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại Điểm 3.4. Nguồn lợi thủy sản nước mặn-lợ/I/ Mục I/Phần II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
16	Mục 5 (trang 38): “Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế” của tỉnh lại nhấn rất mạnh đến “kinh tế biển” và nhấn mạnh đến “lấn biển”,... Trong khi ở các phần trước chưa phân tích kỹ lợi thế vượt trội về kinh tế biển của tỉnh là gì. Để lấn biển thành công thì cần làm rõ hơn tiềm năng và khả năng bồi tụ, tạo ra các bãi bồi rộng lớn hằng năm, cũng như khả năng can thiệp của công nghệ đê biển vùng “bãi bồi non, chưa cố kết” ven biển Thái Bình thành những khu lấn biển hiệu quả. Cho nên, như góp ý trước của người nhận xét: mô hình tăng trưởng của Thái Bình thời gian tới cần lấy phát triển kinh tế nông nghiệp sạch, quy mô hàng hóa và kinh tế biển hiệu quả, bền vững làm nền tảng và “trụ đỡ”; phát triển kinh tế công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chuyển đổi số là hướng đột phá; đẩy mạnh phát triển kinh tế đô thị gắn với nông thôn mới và du lịch đồng quê, du lịch sinh thái ven biển là nhiệm vụ trung tâm. Góp ý này báo cáo đã tiếp thu nhưng cần làm rõ hơn nữa vì đây là điểm cốt lõi của quy hoạch.	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch
17	<p>Vùng đất sát biển Thái Bình là các thành tạo bãi bồi cổ và hiện tại đang hình thành hằng năm theo quy luật của một vùng “châu thổ lấn tiến”.</p> <p>Đây là vùng đất thấp (Low-land), chuyển tiếp ra vùng đáy biển tiền châu thổ (Avant-delta) ngập nước, địa hình thườn thoai và mở rộng về phía biển. Chính vì vậy, cần phải bảo vệ vùng biển-vùng đất đáy biển tiền châu thổ này để vùng ven biển tỉnh Thái Bình luôn bền vững, nhất là phải nghiêm cấm khai thác lấy bùn cát từ vùng tiền châu thổ để xây dựng hạ tầng cho các dự án hoặc cho mục đích thương mại cát,...</p> <p>Cho nên, quy hoạch đề cập đến lấn biển để phát triển kinh tế ven biển là cần thiết, nhưng chỉ ưu tiên những vùng đã bồi đạt mức thuận thực (bồi nổi cao), không lạm dụng phá huỷ “bãi bồi non”, đặc biệt không lấy/hút bùn cát ở khu vực chân châu thổ phục vụ lấn biển làm đô thị và khu công nghiệp để tránh bị xói lở bờ biển và lún sụt phần châu thổ nổi sát biển. Bên cạnh đó, các phương án lấn biển phải dự báo được động lực biển đổi cán cân bồi – xói của các khu vực bờ lân cận.</p> <p>Nên tận dụng các vật, chất thải từ hoạt động nạo vét cảng, bến, chất xỉ bỏ của các nhà máy nhiệt điện,... sau khi đã xử lý bảo đảm yêu cầu môi trường, để làm vật liệu lấn biển. Chú trọng trồng rừng ngập mặn để củng cố rìa các vùng lấn biển. Trước đây, Thái Bình đã trồng rừng ngập mặn thành công ở ven biển Thái Thụy, Tiền Hải, cùng với bảo tồn các bãi bồi, bãi cát biển, bãi giống và bãi đẻ của thủy đặc sản, phát triển kinh tế để tạo lợi ích “kép” trong phát triển.</p>	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch
18	Phát triển cảng cửa sông châu thổ không phải là lợi thế vượt trội của Thái Bình, trong khi chúng ta nói nhiều đến liên kết vùng với hệ thống cao tốc ven biển nối Thái Bình với Hải Phòng - cửa ngõ ra biển phía bắc nước ta. Cho nên, Thái Bình nên tận dụng khôn ngoan để biến “lợi thế” vượt trội về cảng biển của Hải Phòng thành “lợi ích” của Thái Bình và xác định quy mô cảng biển của Thái Bình sao cho phù hợp với khả năng kỹ thuật-công nghệ, năng lực đầu tư và tiêu chí về an toàn trước thiên tai và biến đổi khí hậu để bảo đảm tính khả thi. Ngoài ra, nên gắn đầu tư phát triển cảng biển với phát triển khu kinh tế - công nghiệp và đô thị ven biển; gắn bó các vùng nông nghiệp hàng hóa, các ngành nghề thủ công nghiệp,... để bảo đảm ổn định “chân hàng” cho hoạt động cảng biển.	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch
19	Trong phần giải pháp thực hiện quy hoạch không nên nói giải pháp chung chung, quá vĩ mô, mà đi thẳng vào quy hoạch phát triển cái gì thì bảo đảm có giải pháp tương ứng để phát triển bền vững. Ví dụ, để lấn biển hiệu quả, bền vững thì giải pháp gì? Tập trung khai thác vùng ven biển và biển sát bờ thì điều gì xấu xảy ra và giải pháp tương ứng?; v.v..	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch
20	Báo cáo Quy hoạch viết dài quá, vẫn còn quá nhiều mục, tiểu mục, dưới tiểu mục “tùn mùn” không cần thiết, nên tổ chức lại cấu trúc phần dưới mục. Đề như thế này thì không ai đọc hết đề mà góp ý. Vì quan trọng vẫn là nền tảng đề tóm tắt trong “Quyết định phê duyệt của Chính phủ”.	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch



STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	Dù đã cố gắng, nhưng vẫn rà soát lại bộ bản đồ, trong đó có phần biển về “chú giải” và “tông màu” vì vẫn còn các không gian thể hiện trên phần biển trong bản đồ không được chú giải không biết là gì, nhất là lại khoanh tròn tuyệt đối.	Cơ quan lập quy hoạch xin được tiếp thu ý kiến và bổ sung hoàn thiện quy hoạch
21	<b>Kết luận</b>	
22	Hồ sơ “Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đủ điều kiện để đưa ra thẩm định ở Hội đồng cấp quốc gia.	
	Người nhận xét đồng ý thông qua để đơn vị quản lý và tư vấn quy hoạch tiếp tục hoàn thiện theo góp ý của Hội đồng trước khi trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu hoàn thiện

Phụ lục 26

TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TS. TRẦN CÔNG THẮNG

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<b>Nhận xét chung</b>	
1	Báo cáo quy hoạch được làm rất chi tiết đầy đủ, các nội dung trong Quy hoạch và báo cáo tổng hợp được bố trí khoa học	Nhất trí
2	Phần nông nghiệp có báo cáo từng các ngành hàng và chia ra rõ ràng cho từng tiểu ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp thủy sản. Số liệu rõ ràng thể hiện bức tranh rõ ràng về nông nghiệp của tỉnh. Các mục tiêu đối với ngành nông nghiệp cũng được báo cáo đề ra rất cụ thể. Có những kịch bản và phân tích kèm theo với những định hướng phát triển. Các định hướng bao gồm cho các nhóm mặt hàng năm trong nhóm sản phẩm cấp quốc gia, sản phẩm cấp tỉnh. Các giải pháp thì có cả giải pháp đột phá và các giải pháp khác. Phần quy hoạch cũng khá chi tiết cho các tiểu ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và muối. Nhìn chung về bản quy hoạch được làm rất chi tiết đầy đủ, rõ ràng. Các nội dung trong Quy hoạch đáp ứng đầy đủ các phần cần phải có.	Nhất trí
	<b>Một số góp ý hoàn thiện chung cho Báo cáo thẩm định</b>	
	<b>Quan điểm phát triển của tỉnh</b>	
3	Nên bổ sung quan điểm cho các lĩnh vực trong đó có cả nông nghiệp. Nhận định rõ vai trò của ngành NN và quan điểm phát triển là gì	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Quan điểm phát triển nông nghiệp của tỉnh được thể hiện tại Quang điểm 2 - Quan điểm phát triển kinh tế. Theo đó, quan điểm tỉnh phát triển nông nghiệp của tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là <b>phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, hữu cơ xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao và đổi mới sáng tạo</b>
	<b>Kịch bản phát triển chung của tỉnh</b>	
4	Tỉnh cũng đưa ra 03 kịch bản phát triển và căn cứ. Tuy nhiên tôi thấy trong các kịch bản thì tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh rất cao (Kịch bản tăng trưởng thấp: Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 – 2030 chỉ đạt khoảng 12,4%). Điều này cần có đánh giá khả năng đạt được điều này là dựa vào ngành nào. Trong khi đó, tăng trưởng của ngành NN lại rất thấp. Trong kịch bản thấp thì “Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng với tốc độ 0,1%/năm giai đoạn 2021-2025 và đến giai đoạn 2026-2030 đạt 1,2%/năm”. Ở kịch bản Trung bình thì tăng trưởng khu vực nông nghiệp có cao hơn đạt >2%. Điều này báo cáo cần có đánh giá rõ hơn tại sao lại có sự khác biệt giữa các giai đoạn. Và quan trọng hơn với tốc độ thấp này thì rõ ràng việc phát triển NN bền vững, ứng dụng thành tựu mới, TCC của tỉnh vẫn rất chậm.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Ba kịch bản phát triển kinh tế tỉnh đưa ra đã được xây dựng trên cơ sở tầm nhìn về các khả năng phát triển của tỉnh, các khả năng này được xây dựng trên các yếu tố bên ngoài và các yếu tố nội tại của nền kinh tế tỉnh Thái Bình và đã được luận chứng rõ trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	<b>Mục tiêu tổng quát:</b>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
5	Tỉnh nên cân nhắc khi đưa ra mục tiêu “kinh tế phát triển nhanh, toàn diện và bền vững”. Với Thái Bình cần dựa trên lợi thế của tỉnh là về NN nên việc phát triển nhanh, toàn diện và bền vững không biết có đi song hành không	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Mục tiêu phát triển của tỉnh đề ra đã được dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh so với các tỉnh trong khu vực. Với những tiềm năng lợi thế hiện có của Thái Bình (Thái bình có Khu kinh tế ven biển đang được đầu tư xây dựng với nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi của TW; dân số đông, cơ cấu dân số trẻ; tiềm năng đất đai lớn, địa hình bằng phẳng thuận tiện để phát triển hạ tầng; Thái Bình có phần diện tích mặt nước ven biển có khả năng khai thác để phát triển đô thị - dịch vụ - công nghiệp; tiềm năng phát triển năng lượng lớn...), tỉnh hoàn toàn có thể đạt được mục tiêu "kinh tế phát triển nhanh, toàn diện và bền vững"
6	Báo cáo cũng đề cập: Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng đưa Thái Bình trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng. Đồng ý CN sẽ giúp tăng trưởng nhanh nhưng tính bền vững thế nào nhất là sự bền vững về môi trường hơn nữa cần đánh giá thực sự xem lợi thế của Thái Bình xem có thể là Trung tâm phát triển CN của vùng ko? Hay chỉ là trong 1-2 lĩnh vực cụ thể thôi.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Trong thời kỳ tới công nghiệp Thái Bình sẽ phát triển công nghiệp theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ và sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn, gắn với bảo vệ môi trường.
	<b>Mục tiêu cụ thể:</b>	
7	Nên đồng nhất thành chỉ tiêu cụ thể cho rõ ràng, có thể bổ sung một số chỉ tiêu liên quan đến cơ sở hạ tầng	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tổng hợp các mục tiêu cụ thể tại Bảng 59 của Báo cáo thuyết minh tổng hợp
	<b>Tầm nhìn đến 2050:</b>	
8	Nên viết gọn để xem tầm nhìn 2050 thì Thái Bình sẽ vươn lên, phát triển thế nào. Các trụ cột phát triển thì nên để trong phần định hướng, và thường để trong định hướng nên để đến năm 2030.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu
9	Trong báo cáo có ghi đến 2050 Thái Bình sẽ “Thành trung tâm NN của vùng”. Theo tôi, hiện nay thì Thái Bình là tỉnh NN rồi. Vì thế tầm nhìn nên hướng tới Thành Trung tâm chế biến NS hoặc là Trung tâm NN CNC (???) chẳng hạn	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu
	<b>Các đột phá phát triển:</b>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
10	Báo cáo đưa ra 03 đột phá trong đó có đột phá về “Phát triển ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp”. Cần xem lại đây thực sự là đột phá cho tỉnh không, những điều kiện để thúc đẩy CN sinh học NN đối với tỉnh là gì và nếu coi đây là đột phá thì tỉnh cần có những giải pháp thúc đẩy định hướng này.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Trong thời kỳ quy hoạch tới, Thái Bình phấn đấu trở thành Trung tâm nông nghiệp của vùng. Đề hướng tới nền nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao và đổi mới sáng tạo thì đột phá về “Phát triển ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp” là rất quan trọng. Tỉnh cũng đã đưa ra những giải pháp đột phá để phát triển nông nghiệp tại Điểm 1.2.8.1. Nhóm các giải pháp đột phá/I/Mục V của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
11	Báo cáo cũng có đưa đột phá “cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh” Đây cũng là vấn đề rất quan trọng tuy nhiên chưa có đánh giá cụ thể về những mảng này. Trong phần thực trạng cần có những đánh giá về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư. Báo cáo nên bổ sung các chỉ số CPI, PAPI, Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh và các tỉnh xung quanh để thấy rõ những điểm mạnh và hạn chế của tỉnh	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung đánh giá thực trạng về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư tại Điểm 2.4. Về công tác đầu tư, phát triển doanh nghiệp/I/Mục II và Mục III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
<b>Nhiệm vụ trọng tâm:</b>		
12	Các nhiệm vụ cũng rõ ràng thể hiện quyết tâm của tỉnh. Tôi thấy rất ấn tượng khi trong báo cáo có nói việc nhiệm vụ đầu tiên là “Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở các cụm liên kết ngành (cluster) và kinh tế tuần hoàn”, trong đó có cụm ngành nông nghiệp. Đây thực sự là đột phá nếu Thái Bình làm được tuy nhiên cần có đánh giá thực trạng cụ thể của các cụm ngành hiện nay thế nào? Các điều kiện để hướng tới cụm ngành ra sao (Đất, CSHT, tỉnh liên kết, hệ sinh thái). Hiện nay những thông tin này không thấy phân tích trong báo cáo.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Thực trạng phát triển của cụm ngành nông nghiệp được đánh giá tại Điểm 2.2.2. Thực trạng sản xuất nông nghiệp/I/ Mục II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
<b>Góp ý liên quan đến mảng nông nghiệp</b>		
<b>Phần đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp</b>		
13	Nhìn chung các đánh giá trong báo cáo mới đánh giá khâu sản xuất, khâu chế biến thương mại còn rất hạn chế	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung thêm các đánh giá khâu sản xuất, khâu chế biến thương mại. Trình bày tại 2.1.2.5. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm/I/ Mục II/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp;
14	Báo cáo có nêu Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh đang phát triển tích cực theo hai hướng tái cơ cấu chính: Hướng tái cơ cấu thứ nhất các thay đổi trong bản thân ngành nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản như: Chuyển đổi cơ cấu ngành để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động; Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững. Hướng thứ 2, gắn kết với chế biến, thương mại, ... Tuy nhiên không có những số liệu chứng minh. Đề nghị bổ sung.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung các số liệu minh chứng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh đang phát triển tích cực theo hai hướng tái cơ cấu chính, đã được thể hiện tại các mục cụ thể, trong báo cáo đề xuất QH NN, trình bày tại các trang từ 15 đến trang 55 của báo cáo đề xuất QH NN.

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
15	Báo cáo đánh giá Thái Bình có lợi thế trong phát triển NN, nhất là lúa gạo, chăn nuôi, thủy sản. Tuy nhiên cần có sự so sánh với các địa phương.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu
16	Phần hạn chế trong phát triển NNNT: Báo cáo đưa ra nhiều những điểm yếu trong quá trình TCC ngành nông nghiệp (ví dụ sản xuất nông nghiệp chưa chuyên mạnh sang sản xuất hàng hóa, chưa gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu thụ chế biến, hiệu quả chưa cao. Trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp vẫn ở mức thấp so với yêu cầu phát triển. Việc ứng dụng KHCN và cơ giới hoá vào sản xuất còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển sản xuất. Lao động trong nông nghiệp, nông thôn còn thiếu việc làm, thu nhập hạn chế, đời sống còn gặp nhiều khó khăn) Tuy nhiên hầu như không có số liệu chứng minh cho những nhận định này hoặc có những căn cứ để cho những nhận định này. Cần bổ sung các thông tin chứng minh cho những nhận định này	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Các nội dung này, như đánh giá hạn chế, cũng như SWOT, thì là tổng hợp từ các trình bày của từng mục trước đó, còn lại chỉ là các đánh giá nhận xét rút ra thôi, không thể dài dòng lại minh chứng số liệu kèm theo...Tuy nhiên trong BC đề xuất QH NN, có trình bày về các nội dung kỹ hơn so với BC tổng hợp chung; cũng như về ảnh hưởng của BĐKH cũng như vậy.
17	Tương như Phân tích SWOT: hầu như không có số liệu. Trong phần này, báo cáo cũng không phân tách rõ đúng thách thức và điểm yếu. ví dụ Phần lớn nông sản chưa được sản xuất theo các quy chuẩn kỹ thuật, chưa có thương hiệu là điểm yếu của tỉnh. Cần rà soát lại và bổ sung các số liệu chứng minh.	
18	Phần tác động BĐKH: Báo cáo có 1 phần về tác động của BĐKH tới ngành nông nghiệp (cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cả nuôi trồng, đánh bắt) nhưng không thấy nêu những minh chứng đánh giá rõ những ảnh hưởng tới ngành nông nghiệp thế nào, đặc biệt cả những dự báo tác động với nông nghiệp trong thời gian tới. Nếu được cần bổ sung để thấy rõ tác động và xu hướng của BĐKH và ảnh hưởng tới ngành NN trong giai đoạn tới. Cần bổ sung thêm để sau này có những định hướng cho giai đoạn tới.	
<b>VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN</b>		
19	Nên tách rõ Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và có thể thêm tầm nhìn cũng được nhưng cần viết rõ các phần. Hiện nay các phần này viết không rõ ràng, bị trùng nhau	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu ý kiến chuyên gia
20	Phần quan điểm: Nên ghi rõ bám theo chỉ đạo của Đảng, CP và đặc biệt theo NQ 19, NQ18, NQ20 và QĐ150. Đặc biệt dựa trên lợi thế của tỉnh và những xu hướng biến chuyển thị trường	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa tại Điểm 1.2.1. Quan điểm phát triển/I/Mục V/Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
Trong phần định hướng:		
21	Định hướng thứ nhất báo cáo có nêu “Nông nghiệp vẫn xác định là trụ cột quan trọng trong sự phát triển của tỉnh” tôi nghĩ đây là quan điểm và nên đề trong phần quan điểm. Trong phần này báo cáo nói nhiều về định hướng nông nghiệp của tỉnh như “Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương; Đổi mới tư duy từ phát triển sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ...”. Phần này có vẻ copy rất giống với định hướng của Chiến lược PTNNNT bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và Nghị Quyết 19 tuy nhiên cần phải định hướng cụ thể cho tỉnh Thái Bình chứ không phải chung chung như Chiến lược Chiến lược PTNNNT và Nghị Quyết 19 là định hướng chung cho cả nước.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát hoàn chỉnh nội dung cho phù hợp, để vừa tuân thủ các định hướng chung, đồng thời có tính đặc thù của tỉnh.
22	Trong phần này, báo cáo đưa ra Biểu đồ Quy hoạch các ngành nông nghiệp của Thái Bình, 2021-2030 cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.... Tuy nhiên đây ko phải là quy hoạch mà là định hướng, và lại lấy nguồn là Roland Berger. Hiện nay rất nhiều thông tin lấy nguồn từ Roland Berger, theo tôi đây là báo cáo QH của tỉnh, có thể tham khảo các ý kiến chuyên gia nhưng nguồn thì cần của tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã sửa thành: "Nguồn: Nhóm nghiên cứu dự án"

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
23	Phần định hướng thì báo cáo nên đưa ra những định hướng cụ thể chứ không nêu lên cần thế này thế kia. Ví dụ như báo cáo có nêu “Với trồng trọt, CẦN tìm ra các sản phẩm chủ lực cùng ngành hàng tiềm năng, có lợi thế cao và đồng thời nghiên cứu các giống cây trồng mới	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Định hướng phát triển ngành nông nghiệp được nêu cụ thể tại Điểm 1.2.3. Định hướng phát triển/I/Mục V/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp. Báo cáo cũng đã xác định cụ thể nhóm sản phẩm chủ lực, nhóm sản phẩm khác biệt, nhóm sản phẩm an sinh xã hội trong thời kỳ quy hoạch tới.
24	Trong phần này lại có những phân tích xác định ngành tiềm năng của tỉnh, phần này thông tin tốt nhưng nên để trong phần phân tích thực trạng	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu
25	Phần định hướng cho công nghiệp chế biến nông sản: Phần này chỉ nên tập trung vào định hướng thôi, không nên lại phân tích thực trạng. Hiện nay trong báo cáo phần này lại phân tích thực trạng, theo tôi nên chuyển sang phần đánh giá thực trạng. Ngoài ra báo cáo đánh giá và đưa ra “Hoạt động chuỗi giá trị ngành chế biến NLTS vùng ĐBSH” thì có vẻ Thái Bình chỉ làm khâu đầu, cung cấp nguyên liệu cho các tỉnh xung quanh. Đây chính là điểm mà Thái Bình cần xem xét lại định hướng lại nếu không giá trị gia tăng thu được của Thái Bình sẽ rất thấp	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa tóm lược và đưa các định hướng là chính. Thực tế và định hướng những năm tiếp theo gần (2021-2025), Thái Bình chưa thể đẩy nhanh đầu tư hoạt động chuỗi giá trị ngành chế biến NLTS, phải chấp nhận về giá trị gia tăng còn hạn chế.
	Phần mục tiêu:	
26	Phần này nên để sau phần quan điểm, trước phần định hướng	
27	Phần mục tiêu tổng quát: Chỉ nên nói các mục tiêu mà mình muốn hướng đến cho ngành NN của Thái Bình chứ ko cần nêu sản phẩm tiềm năng, quan trọng của tỉnh và sản phẩm khác như trong báo cáo.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu sắp xếp lại các mục cho hợp lý hơn.
28	Mục tiêu định hướng đến năm 2050: Báo cáo có nêu “Duy trì các không gian sản xuất lúa; đồng thời, giữ ổn định diện tích đất lúa khoảng 50.000ha, trong đó diện tích đất lúa bảo vệ nghiêm ngặt là 45.000 ha đã xác định để đảm bảo an ninh lương thực (trong đó, giữ nguyên 250 vùng sản xuất lúa tập trung với quy mô từ 50ha trở lên). Chuyển một phần diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các mục đích sử dụng khác để phát triển kinh tế - xã hội; giữ ổn định diện tích rừng phòng hộ ven biển, bảo vệ nghiêm diện tích rừng tại các khu vực hạn chế phát triển” Theo tôi đây vẫn là tầm nhìn định hướng trong ngắn hạn, báo cáo nên sửa lại để xem thực sự tầm nhìn đến 2050 về NN của tỉnh sẽ là như thế nào	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu điều chỉnh mục tiêu định hướng đến năm 2050 về lĩnh vực phát triển nông nghiệp của tỉnh cho hợp lý hơn...
28	Mục tiêu cụ thể: Nên viết lại cho rõ ràng. Bên cạnh đó cần cân nhắc một số mục tiêu đến năm 2025 có thực hiện được không vì khi phê duyệt xong và thực hiện thì đã đến giữa năm 2023 rồi. Ví dụ như các mục tiêu: “Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết lĩnh vực trồng trọt đạt khoảng 25%, lĩnh vực chăn nuôi đạt khoảng 30%, lĩnh vực thủy sản khoảng 20%; Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương lĩnh vực trồng trọt đạt khoảng 40%, lĩnh vực chăn nuôi đạt khoảng 25%, lĩnh vực thủy sản khoảng 10%. Phần đầu đạt 50% đất canh tác trồng trọt được tập trung và tổ chức sản xuất có liên kết tiêu thụ sản phẩm;...	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu đề xuất mục tiêu cụ thể cho rõ ràng hơn, đồng thời cũng giải thích các chỉ tiêu đặt ra, như chuyên gia đã nêu thể hiện quyết tâm của ngành nông nghiệp của tỉnh và đã được thảo luận tại nhiều cuộc họp.
	<b>Xây dựng và tạo hướng đột phá chính để phát triển nông nghiệp Báo cáo có đưa ra 5 đột phá cho phát triển kinh tế nông nghiệp là:</b>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
29	Xác định các mô hình sản xuất nông nghiệp giá trị cao tại các vùng sinh thái nông nghiệp chính của tỉnh; Xây dựng định hướng khu nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; Xác định hướng xây dựng một KCN phục vụ nông nghiệp; Xác định hướng xây dựng một trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao cho lao động nông thôn; Xác định hướng hình thành chương trình du lịch nông nghiệp.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát lại cho phù hợp mục Báo cáo có đưa ra 5 đột phá cho phát triển kinh tế nông nghiệp, do khuôn khổ của báo cáo tổng hợp QH tỉnh chỉ nêu ra các đầu mục chính, còn trong báo cáo Đề xuất QH NN, đã được thể hiện khá cụ thể và chi tiết, tại các trang từ 103 đến trang 105 của báo cáo đề xuất QH NN;
30	Tuy nhiên, phần này nếu chỉ gạch mấy đầu dòng này thì quá sơ sài. Nhóm nghiên cứu cần phải có đánh giá rõ hơn cho những đột phá này. Ví dụ mô hình sản xuất NN giá trị cao là thể nào, tại các vùng sinh thái nào? Điều này phải có phân tích đánh giá rất rõ về hiện trạng, tiềm năng và xem có đúng đây thực sự là những ưu tiên mà tỉnh muốn làm không và khả năng thực thi ra sao. Chưa nói cách viết cũng chưa thực sự rõ ràng	
<b>Tái cơ cấu theo 3 nhóm sản phẩm Nông nghiệp đến năm 2025</b>		
31	Trong phần này, nên xác định những việc tỉnh sẽ làm được đến năm 2025. Ví dụ trong phần Lúa gạo, báo cáo có nêu “Đến năm 2025, diện tích lúa cả năm khoảng 148.000 ha, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như SRI, sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải khí nhà kính” vậy có thực hiện được không?	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Đối với thời kỳ 2021-2025, tỉnh đã xác định đó là bước đi ngắn, nhiều dự báo về thị trường, nguồn vốn đầu tư, khả năng tổ chức điều hành... có tính khả thi, do vậy các chỉ tiêu nêu ra có nhiều khả năng sẽ đạt được.
<b>Quy hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2030</b>		
32	Phần này nên đổi thành kế hoạch phát triển NN đến 2030. Trong phần này nêu khá chi tiết kế hoạch phát triển cho các ngành hàng. Tôi chỉ chú ý, trong báo cáo đưa ra rất chi tiết diện tích các loại, quy mô phát triển cho các nhóm và nêu chi tiết đến cả số lượng ví dụ như số lượng lồng cá trên sông, số lượng lồng cá nuôi xa bờ...đến năm 2030 thì có quá chi tiết không và có thể sẽ không chính xác	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu rà soát, trình bày ngắn gọn, cô đọng và tập trung hơn.
<b>Định hướng xây dựng khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp</b>		
33	Báo cáo có nêu xây dựng “Tổ hợp công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản”. Đây thực sự là hướng mới của tỉnh và cá nhân tôi thấy rất cần thiết. Tuy nhiên thông tin cho định hướng này lại rất ít, và trước đó không thấy có đánh giá. Cần bổ sung thêm các thông tin cụ thể xem dự kiến phát triển ở đâu, quy mô thể nào...	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu bổ sung tại Điểm 1.2.7.4. Định hướng xây dựng khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp/I/ Mục V/ Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp.
<b>Nhóm các giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp</b>		
34	Trong phần này, các giải pháp lẫn lộn với định hướng. Theo tôi nhóm nên tham khảo những giải pháp trong Chiến lược PTNNNT bền vững 2021-2030 và tầm nhìn 2050, Nghị quyết 19 của BCH Trung ương về NNNDNT.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tham khảo như gợi ý của chuyên gia và sẽ sắp xếp lại mục này cho ngắn gọn, tập trung và phù hợp, đồng thời đưa thêm các giải pháp cụ thể hơn... Trong báo cáo đề xuất quy hoạch ngành
35	Phần này viết quá đơn giản, chủ yếu liệt kê nhóm nhiệm vụ và giải pháp chứ không đưa ra các giải pháp cụ thể. Nhìn chung đây là phần quan trọng nhưng viết rất sơ sài (Cả phần giải pháp đột phá và các giải pháp khác được 1 trang).	
<b>Một số góp ý khác</b>		
36	Theo tôi, Thái Bình là tỉnh có lợi thế lớn về sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên những năm qua tốc độ phát triển sản xuất thì thấy cũng khá tốt. Tuy nhiên, cần có tư duy phát triển theo hướng đa ngành, liên ngành tạo ra giá trị cao hơn, phải gắn được sản xuất với chế biến, với dịch vụ thì mới tạo ra nhiều giá trị gia tăng. Theo phân tích trong báo cáo thì thấy rõ các khâu chế biến, thương mại còn có vẻ chưa phát triển mạnh. Các doanh nghiệp đầu tư vào NN còn hạn chế nhất là các DN đầu tư chế biến sâu, dịch vụ logistics.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến chuyên ra định hướng ngành nông nghiệp cần hướng đa ngành, liên ngành tạo ra giá trị cao hơn, phải gắn được sản xuất với chế biến, với dịch vụ thì mới tạo ra nhiều giá trị gia tăng.

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
37	<p>Những phân tích cũng thấy, trong chuỗi giá trị thì Thái Bình chủ yếu cung cấp nguyên liệu cho các tỉnh. Mô hình này Thái Bình có muốn thay đổi hay có những đột phá không? Đây là điểm Thái Bình cần chú ý. Báo cáo có nêu định hướng rất hay là xây dựng cụm chế biến cho NN và CB nông sản nhưng rất tiếc chưa có định hướng rõ. Đặc biệt Báo cáo cũng có nêu phát triển Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp Thaco - Thái Bình: Báo cáo có nói đây là sẽ động lực kéo theo sự phát triển của các ngành CN dịch vụ nhất là chế biến nông sản. Đây thực sự là hướng tốt và tỉnh cần tập chung ưu tiên đầu tư, chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên cũng phải nói các mô hình khu chế biến, logistics này cũng là mới, tỉnh cần nghiên cứu kỹ để xây dựng đúng mô hình cho nông sản chứ không phải có các lĩnh vực khác</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Định hướng lâu dài ngành NN Thái Bình cần đầu tư nhiều hơn cho xây dựng cụm chế biến cho NN và CB nông sản và Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp Thaco - Thái Bình là ưu tiên đầu tư của tỉnh liên kết với Doanh nghiệp Thaco và sẽ xác định các bước đi và giải pháp tổ chức, đầu tư phù hợp.</p>
38	<p>Báo cáo có nêu khai thác ven bờ còn chiếm tỷ trọng lớn là nguy cơ làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Đây là vấn đề quan trọng và cần có giải pháp khai thác bền vững, bổ sung nguồn hay quản lý. Trong phần giải pháp không thấy nêu vấn đề này.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Về khai thác thủy sản ven bờ còn chiếm tỷ trọng lớn là nguy cơ làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, tỉnh đã nhìn nhận thấy vấn đề quan trọng và đã có giải pháp khai thác bền vững hơn. Về cách quản lý và giải pháp đã thể hiện cụ thể trong Báo cáo Đề xuất QH NN.</p>
39	<p>Nhiều thông tin trong báo cáo lấy từ các nguồn khác ví dụ như các nguồn về định hướng, hay các đột phá...nguồn lại là Roland Berger mà sao không phải của tỉnh, hay nhóm. Có thể tư vấn hỗ trợ xây dựng báo cáo nhưng đây là báo cáo thẩm định cho tỉnh. Cần phải chỉnh sửa lại rà soát lại cẩn thận</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, thể hiện đúng về nguồn thông tin số liệu trong báo cáo.</p>



**Phụ lục 27**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TS. NGUYỄN ĐẮC NHÃN**

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<b>Một số ý kiến góp ý đề nghị chỉnh sửa, bổ sung</b>	
1	Rà soát lược bỏ các văn bản (trình bày trong mục căn cứ lập quy hoạch) đã hết hiệu lực hoặc được thay thế bằng văn bản khác, như: Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch đã được thay thế bằng Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục II - Phần Mở đầu của Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Báo cáo tóm tắt, Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Mục “2. Tầm nhìn đến năm 2050” cần rà soát, nghiên cứu hoàn thiện lại theo đúng nội hàm của lĩnh vực này là “Phân bổ và khoanh vùng đất đai”; đồng thời phải dự báo được diện tích đất cho tầm nhìn đến năm 2050 đối với từng ngành, lĩnh vực để đáp ứng được yêu cầu phát triển KTXH cho tầm nhìn đến năm 2050.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu: Phương án Phân bổ và khoanh vùng đất đai đã được xây dựng đảm bảo theo Điểm 7 - Điều 28 của Nghị định 37/NĐ-CP ngày 07/5/2019. Nội dung dự báo diện tích đất cho tầm nhìn đến năm 2050 cho từng ngành, từng lĩnh vực đã được thể hiện tại Điểm 2. Định hướng sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - VI - Mục V - Phần thứ II của Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái Bình
3	Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2030. Tuy nhiên, cần phải rà soát cân đối lại để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, cụ thể:	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát hoàn thiện quy hoạch
	Các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đã được Tỉnh xác định cơ bản không phù hợp. Tuy nhiên, đối với 02 chỉ tiêu là Đất trồng lúa và Đất phát triển hạ tầng Tỉnh xác định không phù hợp với chỉ tiêu quốc gia phân bổ cần phải rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp hoặc có giải trình về sự cần thiết, căn cứ pháp lý của việc không phù hợp này để Hội đồng xem xét quyết định, cụ thể như sau:	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu rà soát hoàn thiện quy hoạch
4	Đất trồng lúa Tỉnh xác định thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ 20 ha.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích đất trồng lúa tỉnh xác định đến năm 2030 là 69.846 ha, phù hợp với chỉ tiêu được quốc gia phân bổ cho tỉnh Thái Bình tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022
5	Đất phát triển hạ tầng Tỉnh xác định cao hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ 2.806 ha.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích đất phát triển hạ tầng xác định cao hơn 2.806 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ cho tỉnh Thái Bình tại QĐ số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 là do chuyển một số loại đất: Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia, Đất có di tích, lịch sử - văn hóa, Đất bãi thải, xử lý chất thải, Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng, Đất cơ sở tôn giáo vào đất phát triển hạ tầng theo quy định tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
	<p>Một số chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp Tỉnh xác định theo thẩm quyền nhưng có diện tích tăng lớn so với hiện trạng năm 2020 cần trình bày luận chứng về căn cứ, cơ sở xác định và đặc biệt giải trình chi tiết, có tính thuyết phục về nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện các công trình dự án đối với các loại đất này, như:</p>	
6	<p>Đất cơ sở tôn giáo tăng 111 ha so với hiện trạng năm 2020.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích đất tôn giáo tăng 111 ha so với hiện trạng là do trong thời kỳ quy hoạch thực hiện dự án Mở rộng di tích quốc gia chùa Keo, quy mô 13,5 ha theo Quyết định 1587/QĐ-TTg ngày 13/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ; do kiểm kê lại diện tích các loại đất theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 (chuyển từ đất có DTLĐ, VH sang 6 ha). Ngoài ra, tỉnh còn bố trí quỹ đất để xây dựng, mở rộng các cơ sở tôn giáo để phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh.</p>
7	<p>Đất ở tại đô thị tăng 1.786 ha so với hiện trạng. Đến năm 2030 đất ở tại đô thị là 2.871 ha, gấp hơn 2,6 lần tổng diện tích đất ở tại đô thị hiện có trên toàn Tỉnh.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Định hướng đến năm 2030 thành phố Thái Bình trở thành đô thị loại I, theo đó Thành phố Thái Bình sẽ trở thành một đô thị 2 lõi hạt nhân, mở rộng và phát triển đều ra các vùng lân cận. Dự kiến đến năm 2030 khu vực nội thị sẽ mở rộng thêm 08 xã và lên phường. Do đó toàn bộ diện tích đất ở nông thôn hiện tại của 08 xã này sẽ chuyển thành đất ở đô thị (554 ha). Ngoài ra, tỉnh cũng bố trí quỹ đất để phát triển các KĐT mới tập trung, hiện đại, và mang tính kết nối khu vực trung tâm thành phố Thái Bình với các vùng lân cận.</p>
8	<p>Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 177 ha. Đến năm 2030 đất xây dựng trụ sở cơ quan là 381 ha, gấp gần 2 lần tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan hiện có trên toàn Tỉnh</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 177 ha, do trong kỳ quy hoạch bố trí đất để thực hiện các dự án: Khu liên cơ quan hành chính tỉnh, quy mô 23 ha; Khu liên cơ quan, trung tâm hành chính các huyện Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ mỗi huyện khoảng 10 - 15 ha. Ngoài ra, tỉnh còn bố trí quỹ đất để xây dựng mới, mở rộng Trụ sở UBND các xã, thị trấn, phường trên địa bàn toàn tỉnh,</p>

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
9	Đối với Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, Tinh quy hoạch đến năm 2030 là 5.018 ha, thấp hơn 2.802 ha so với hiện trạng năm 2020 cần trình bày luận chứng về căn cứ, cơ sở của việc giảm diện tích này; đặc biệt, cần trình bày ảnh hưởng của việc giảm diện tích này đến việc giảm diện tích đất rừng đặc dụng (theo pháp luật về lâm nghiệp) hoặc những tác động đến khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	<p>Về đất khu bảo tồn thiên nhiên: Ngày 07/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Thái Bình, trong đó đối với khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc khu chức năng (không phải là chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện trong kỳ quy hoạch) dự kiến đến năm 2020 sẽ thực hiện khoanh định với diện tích là 25.600 ha, trong đó gồm: 12.500 ha theo số liệu tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án và Xác lập Khu rừng đặc dụng tại ba xã ven biển Nam Hưng, Nam Phú và Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Có tên gọi là Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải) và 13.100 ha tại huyện Thái Thụy theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đối với diện tích cửa sông Thái Thụy.</p> <p>Trong phương án Quy hoạch tỉnh: Tổng diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh là 9805 ha. Theo đó: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước huyện Thái Thụy giữ nguyên với diện tích 6.560 ha theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh; Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải: Giảm diện tích do việc xác định vị trí, quy mô diện tích, ranh giới khu rừng đặc dụng tại ba xã ven biển Nam Phú, Nam Hưng và Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (có tên gọi là Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải) theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đối với Khu dự trữ thiên nhiên Tiền Hải là 3.245ha..</p>
10	Diện tích các loại đất cần thu hồi cần rà soát xác định đúng và đầy đủ đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, đồng thời phân chia thành 2 nhóm: đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp theo đúng quy định.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích các loại đất cần thu hồi đã được xác định theo các công trình dự án được quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai và đã được phân chia thành 2 nhóm và được thể hiện tại Điểm 6.1. Phương án thu hồi đất - VI - Mục V - Phần thứ II và Phụ lục số 44 của báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái Bình
11	Trong giai đoạn 2021 - 2030, Tinh khai thác đưa vào sử dụng 227 ha đất chưa sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng, thương mại - dịch vụ. Tuy nhiên, tại trang 823 Báo cáo trình bày “Hiện tại, diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh Thái Bình còn 97 ha, phân bố ở tất các huyện”, như vậy là không phù hợp. Thực tế, hiện trạng năm 2020 đất chưa sử dụng của tỉnh là 324 ha. Do vậy cần rà soát xác định chính xác diện tích đất chưa sử dụng của Tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2020 có 324 ha, trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, đưa vào sử dụng 227 ha. Diện tích đất chưa sử dụng đến năm 2030 còn lại là 97 ha (Phân bố rải rác ở tất cả các huyện, chủ yếu là các bãi bồi ven sông, các diện tích xen kẽ trong đất nông nghiệp).
12	Nhóm giải pháp về “Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển” (giải pháp 6) cần nghiên cứu đặt lại tên cho phù hợp với nội hàm của giải pháp.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã sửa thành: Nhóm giải pháp đảm bảo quốc phòng; Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
<b>IV</b>	<b>Kết luận</b>	

STT	Ý kiến góp ý	Giải trình
13	Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng theo đúng quy định; cơ bản thể hiện được các nội dung quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Tuy nhiên, Báo cáo còn một số tồn tại nêu trên, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt./.	Nhất trí

**Phụ lục 28**

**TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA TS. PHẠM HOÀI CHUNG**

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<b>Về thành phần hồ sơ</b>	
1	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
2	Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với 853 trang A4 kèm theo 42 Phụ lục	-
3	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	-
4	Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	-
5	Báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	-
6	Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch tỉnh Thái Bình	-
	<b>Nhận xét chung về hồ sơ</b>	
	<b>Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt</b>	
7	Danh mục hồ sơ quy hoạch và cấu trúc báo cáo đã cơ bản thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 16/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, đảm bảo theo yêu cầu quy định tại Điều 27, 31 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Điều 16, 17, 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Báo cáo được chuẩn bị rõ ràng, trình bày công phu, thể hiện sự nghiêm túc trong công tác chuẩn bị hồ sơ quy hoạch.	-
	<b>Việc tuân thủ quy trình lập và tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh</b>	
8	Hồ sơ cơ bản đã thực hiện việc phân công và tích hợp các nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và mục 6, Phụ lục 2 văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 về phương án phát triển mạng lưới giao thông đường tỉnh.	-
9	Hồ sơ cơ bản đã cập nhật các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia: - Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; - Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	-
	<b>Nội dung hồ sơ và chất lượng Báo cáo tổng hợp quy hoạch</b>	
	<b>Ưu điểm</b>	
10	Báo cáo đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của 19 Bộ và cơ quan ngang bộ; 10 Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng; 10 chuyên gia và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh... cho thấy việc triển khai khá nghiêm túc và có nhiều dữ liệu để xây dựng báo cáo Quy hoạch tỉnh	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
11	Báo cáo trình bày với 853 trang A4, chưa bao gồm hệ thống bản đồ, phụ lục đính kèm khá công phu; các nội dung logic và phù hợp với nội dung đề cương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	
12	Hệ thống bảng biểu, biểu đồ trong báo cáo đều ghi chú rõ nguồn trích dẫn, năm trích dẫn	
	Tính thống nhất trong báo cáo được đảm bảo khi Phân tích hiện trạng – Đánh giá tồn tại hạn chế, nguyên nhân – Dự báo và đề xuất phương án quy hoạch, giải pháp tổ chức thực hiện	
	Định hướng quy hoạch mạng lưới hạ tầng giao thông cơ bản tuân theo các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành đã phê duyệt và phù hợp với hiện trạng, tiềm năng của tỉnh Thái Bình; đặc biệt, phương án định hướng tập trung phát triển mạng lưới đường bộ đầy đủ các cấp đường dựa trên 02 hướng kết nối chính: Kết nối với Vùng thủ đô Hà Nội (thông qua ĐT.454, QL.39, QL.39B, CT.16 và CT.39) và Kết nối với Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ Quảng Ninh – Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình & Vùng duyên hải Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ (thông qua ĐT.467, QL.10, QL.37, Đường ven biển Thái Bình và CT.08)	
	<b>Tồn tại, hạn chế</b>	
	Số liệu cần cập nhật để về thời điểm mới năm 2022, chủ yếu các số liệu từ 2020; một số còn trích dẫn từ 2019. Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch tiếp tục cập nhật thêm số liệu và thống nhất thời điểm thống kê, so sánh trong toàn bộ báo cáo	
	Lỗi chính tả, lỗi định dạng còn nhiều trong báo cáo; một số vị trí chưa tương thích giữa nội dung và bảng/hình ảnh kèm theo như ‘bảng 3.41’ trang 330, ...)	
	Một số nội dung trong báo cáo tóm tắt và báo cáo DMC chưa được cập nhật, chỉnh sửa theo nội dung của Báo cáo tổng hợp quy hoạch. Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch nghiêm túc rà soát, cập nhật cho thống nhất	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và chỉnh sửa theo từng góp ý cụ thể bên dưới
	Một số nội dung thể hiện còn chưa cụ thể/chưa phù hợp như góp ý chi tiết dưới đây; đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch xem xét chỉnh sửa, bổ sung	
	<b>Nhận xét cụ thể về hồ sơ quy hoạch</b>	
	<b>Về nội dung báo cáo giải trình của các Bộ, ngành</b>	
1	Báo cáo đã cơ bản tiếp thu góp ý của Bộ Giao thông Vận tải và chuyên gia phản biện theo các văn bản góp ý trước đó; các nội dung được giải trình tương đối rõ ràng. Tuy nhiên, trong báo cáo lần này, còn nhiều nội dung chưa được đơn vị tư vấn lập quy hoạch chỉnh sửa, cập nhật vào báo cáo tổng hợp; ví dụ nội dung về hiện trạng mạng lưới giao thông tỉnh Thái Bình thể hiện vẫn còn sơ sài, nội dung dự báo nhu cầu vận tải mặc dù đã tiếp thu sửa ở báo cáo lần này, nhưng cần chi tiết hơn dự báo đến đường tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa lại nội dung hiện trạng giao thông theo yêu cầu, qua đó đánh giá được những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn về kết nối giao thông của tỉnh Thái Bình.
	<b>Về nội dung Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình</b>	
	<b>(I) Nội dung phân I – mục II. ‘Căn cứ lập quy hoạch’:</b> Đề nghị bổ sung một số căn cứ quan trọng ảnh hưởng đến định hướng quy hoạch và phát triển tỉnh Thái Bình, cụ thể:	
2	+ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/1/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó lưu ý yếu tố ảnh hưởng đến tỉnh Thái Bình: ‘Phát triển vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ (Quảng Ninh – Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình); Xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc kết nối Hà Nội với các địa phương trong và ngoài vùng, tuyến đường bộ ven biển,...	
3	+ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; trong đó: ‘tỷ lệ quỹ đất dành hạ tầng giao thông đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị’;	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã cập nhật vào các định hướng quy hoạch và phát triển hợp phần GTVT của tỉnh Thái Bình.

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
4	+ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm QP-AN vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: ‘Tập trung đầu tư phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, quốc tế gồm: .... Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; Đến năm 2030, mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số tuyến quốc lộ trong vùng theo quy hoạch và đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình; Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình....	
<b>(2) Nội dung Phần II - Mục VII.1. ‘Hiện trạng hạ tầng giao thông vận tải’ (174 – 182) cần chỉnh sửa một số nội dung:</b>		
5	+ Bổ sung, so sánh, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch trước đây để đánh giá tỷ lệ đầu tư hạ tầng có đáp ứng được yêu cầu hay không? (so sánh theo chỉ tiêu QH đề ra tại Quyết định số 2034/QĐ-YBND ngày 26/7/2016, Quyết định 202/QĐ-UBND ngày 17/1/2020, ...); hiện báo cáo đã bổ sung nội dung này, tuy nhiên cần cụ thể hóa các chỉ tiêu, cần tập trung vào nội dung đã làm được/nội dung chưa làm được, ...	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã cập nhật vào nội dung ‘Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020’.
6	+ Thông tin về hiện trạng mạng lưới đường bộ chưa đầy đủ, đặc biệt là thông tin về tính kết nối với các đầu mối giao thông lớn: Hiện tại, báo cáo mới chỉ tổng hợp sơ bộ các tuyến đường bộ hiện có và một số cải thiện/kế hoạch cải thiện hiện trạng giao thông kèm theo việc lập lại các khó khăn/hạn chế; chưa tập trung vào hạn chế của tỉnh Thái Bình trong kết nối với các địa phương lân cận (kết nối với Nam Định, Hải Phòng phụ thuộc vào QL.10 phía Tây, QL.37 chưa đáp ứng nhu cầu kết nối nhanh chóng với cảng biển Lạch Huyện, kết nối Hải Dương – Hưng Yên gián tiếp qua Hải Phòng với QL.39, QL.37, ...). Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch nêu cụ thể thông tin về tên tuyến, quy mô, chiều dài, điểm đầu cuối, hiện trạng khai thác, hiện trạng kết nối/vai trò chức năng của từng tuyến giao thông trọng yếu (hệ thống cao tốc, quốc lộ và đường tỉnh) đến các đầu mối giao thông lớn, và từ đó đánh giá tính liên kết của mạng lưới đường bộ, khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải của từng tuyến/mạng lưới đường bộ nói chung. Các đầu mối giao thông lớn cần được phân tích rõ về khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải/kết nối của hệ thống hạ tầng giao thông bao gồm các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh (45 CCN, 06 KCN, các làng nghề lớn, các KDL, các bến cảng, ...); các tỉnh lân cận (Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương ...); các đầu mối phát triển nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh); và quốc tế (Trung Quốc,...);	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và giải trình như sau: các nội dung góp ý đã được rà soát, bổ sung đầy đủ, các dữ liệu hiện trạng được bổ sung nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn về kết nối giao thông của tỉnh Thái Bình để định hướng các đề xuất quy hoạch.
7	+ Nội dung về hệ thống cầu chính yếu trên địa bàn tỉnh còn thiếu: Đây là nút thắt lớn đối với sự phát triển của toàn tỉnh; vì vậy đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch bổ sung, đặc biệt là hệ thống cầu vượt sông kết nối tỉnh Thái Bình với các địa phương lân cận để đánh giá cụ thể hơn về hiện trạng khai thác và mức độ đáp ứng nhu cầu vận tải (cần đánh giá hiện trạng một số cầu đang khai thác với lưu lượng lớn hơn nhiều so với thiết kế như cầu Thái Hà, cầu Tân Đệ, cầu La Tiến, cầu Nghìn, ...; và đánh giá hiệu quả giảm tải áp lực của các cầu mới như cầu Nghìn 2, cầu Tân Đệ 2, cầu Sa Cao, ...)	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung này trong báo cáo cuối cùng.
8	+ Nội dung đánh giá chung & đánh giá SWOT về mạng lưới hạ tầng giao thông chưa cụ thể, nhiều nội dung không hợp lý: Đề nghị viết lại nội dung này và bổ sung đánh giá về các ngành/phương thức vận tải còn thiếu (đặc biệt đánh giá về mức độ đáp ứng và thị phần đảm nhận của từng phương thức so với tổng thể). Hiện tại, mục 3 ‘Đánh giá chung’ và 4 ‘Tồn tại, hạn chế’ lập ý quá nhiều, viết dàn trải, không nêu nổi bật được hạn chế của giao thông tỉnh Thái Bình kèm theo nguyên nhân cụ thể.	Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã biên tập lại nội dung này theo góp ý của Ủy viên phân biện.
<b>(3) Nội dung mục VII.1.1. ‘Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giao thông’ (559 – 590):</b>		

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
9	<p>+ Nội dung Quan điểm phát triển (trang 559-560) chưa bám sát đặc điểm địa lý đặc thù của Thái Bình là một tỉnh rất đặc biệt về địa lý của cả nước, địa hình không có đồi núi và là vùng đồng bằng kết nối với 5 tỉnh thành phố, có ranh giới 3 phía là 4 con sông lớn. Như vậy, đề nghị rà soát lại 08 mục tiêu Phương hướng phát triển GTVT cho phù hợp.</p> <p>Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bỏ nội dung quan điểm về phát triển vận tải (do đây là quy hoạch kết cấu hạ tầng, vận tải là đầu vào yêu cầu của dự báo nhu cầu vận tải); bỏ mục tiêu phát triển ĐTNĐ trang 580 để tránh trùng lặp do quan điểm của ngành GTVT là quan điểm chung được viết cho 05 lĩnh vực, không viết lại riêng cho từng lĩnh vực;</p> <p>Cần nghiên cứu bổ sung thêm nội dung định hướng về phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đô thị (tỷ lệ quỹ đất dành cho giao thông đô thị, ...) và hệ thống cảng cạn, logistics làm tiền đề phát triển mạnh KCN trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và đã thể hiện lại toàn bộ nội dung này, đảm bảo tính hợp lý: 05 quan điểm phát triển cơ động nhưng bám sát với hiện trạng và tiềm năng của tỉnh Thái Bình, các mục tiêu phát triển được cụ thể theo thời kỳ quy hoạch.</p>
10	<p>+ Nội dung dự báo nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh trong báo cáo chưa có: Đề nghị bổ sung, do đây là căn cứ quan trọng để đề xuất phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Thái Bình trong thời kỳ thực hiện quy hoạch là tiền đề cho việc có hay không có các tuyến mới được đề xuất hình thành mạng lưới đường bộ theo QH.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung đầy đủ về nội dung dự báo nhu cầu vận tải.</p>
11	<p>+ Nội dung “Tầm quan trọng của hệ thống cầu vượt sông, mục I, trang 573” đề nghị viết lại, do lại đánh giá nội dung về hiện trạng trong phần QH là lẫn lộn nội dung: Đề nghị viết lại và phân tích trực tiếp nhu cầu giao thông kết nối liên tỉnh, trong đó có đề xuất các cầu vượt sông; phân kỳ đầu tư cụ thể.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch vẫn xin tiếp thu và chỉnh sửa.</p>
12	<p>+ Nội dung phương án phát triển mạng lưới đường bộ: cần bổ sung cụ thể, đặc biệt đối với hệ thống tuyến mới, cầu chính yếu và bến xe – trạm dừng nghỉ: Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch bổ sung vai trò chức năng, quy mô, tính kết nối của các tuyến mới (cao tốc, đường tỉnh), khả năng kết nối quốc tế hay kết nối nội vùng hay kết nối nội tỉnh hay trực động lực, ...; bổ sung thông tin về phương án phát triển hệ thống cầu, đặc biệt là cầu chính yếu làm nhiệm vụ kết nối liên huyện, liên tỉnh (xây mới/nâng cấp, cải tạo ...); làm rõ nhu cầu, vị trí, quy mô và tiến trình đầu tư đối với hệ thống bến xe và trạm dừng nghỉ được quy hoạch trên địa bàn tỉnh;</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và làm rõ hơn theo yêu cầu.</p>
13	<p>+ Nội dung khu neo tránh trú bão, trang 585 đang có sự nhầm lẫn: Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch cập nhật và hoàn thiện theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021; hiện đang nhầm lẫn giữa khu tránh bão của hàng hải cho tàu biển của Bộ Giao thông Vận tải và khu neo tránh trú bão của tàu cá của Bộ Nông nghiệp &amp; Phát triển nông thôn;</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và chỉnh sửa.</p>
14	<p>+ Về quy hoạch cảng cạn trên địa bàn tỉnh: Đề nghị cập nhật thông tin về cảng cạn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại tờ trình của Bộ Giao thông Vận tải tháng 12/2022</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình: UBND tỉnh Thái Bình đã có Công văn số 1656/UBND-CTXDGT ngày 25/5/2023 gửi Bộ GTVT về việc bổ sung Cảng cạn Quỳnh Côi tại huyện Quỳnh Phụ vào quy hoạch tỉnh Thái Bình. Cơ quan lập quy hoạch đề nghị giữ nguyên đề xuất quy hoạch 04 cảng cạn trên địa bàn tỉnh Thái Bình (điều chỉnh Cảng cạn An Bài thành Cảng cạn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ) so với 03 cảng cạn trong tờ trình quy hoạch cảng cạn hiện tại của Bộ GTVT.</p>
15	<p>+ Nội dung Phương án phát triển kết cấu hạ tầng: đường hàng không, trang 587 cần cập nhật cụ thể: Đối với việc hình thành khu cụm cảng hàng không lưỡng dụng phục vụ du lịch, cứu hộ, cứu nạn, an ninh quốc phòng khu vực biên giới biên tỉnh Thái Bình, gồm: các điểm đáp trực thăng, các bãi đáp thủy phi cơ ven biển Thái Bình, đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch cập nhật rõ hơn định hướng sơ bộ vị trí, quy mô các điểm đáp trực thăng, các bãi đáp thủy phi cơ ven biển Thái Bình để đảm bảo định hướng hoặc tầm nhìn không bị chổng chéo với các lĩnh vực khác</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu giải trình như sau: Vị trí đề xuất cảng hàng không lưỡng dụng dự kiến đặt tại khu vực cửa Lân, xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải có điều kiện bay phù hợp để hình thành cảng, gần khu tránh trú bão, gần kề các khu du lịch nghỉ dưỡng Cồn Vành - Cồn Thù.</p>



STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
16	<p>+ Nội dung phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt: Đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch cập nhật theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt Việt Nam tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 16/10/2021. Vấn đề hướng tuyến của đường sắt quốc gia là vấn đề quan trọng; trình tự sẽ do Bộ Giao thông Vận tải lập dự án và đề xuất hướng tuyến; do cần có nghiên cứu, khảo sát kỹ về địa chất, địa hình, các điều kiện kỹ thuật đường sắt và việc đề xuất 02 hướng tuyến đường sắt quốc gia sẽ ảnh hưởng lớn đến việc bố trí không gian phát triển của tỉnh đối với các KCN, CCN, KĐT, ... Vì vậy, đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch xem xét có đủ độ tin cậy khi đề xuất 02 phương án hướng tuyến đường sắt không?; nếu đủ điều kiện về mặt kỹ thuật thì đề nghị làm rõ định hướng lựa chọn hoặc đề xuất theo phương án nào, cần cụ thể để tránh việc chông chéo và xung đột quy hoạch giữa các lĩnh vực.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình thêm: Theo bản đồ quy hoạch mạng lưới đường sắt Việt Nam kèm theo QĐ số 1769/QĐ-TTg ngày 16/10/2021 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tuyến đường sắt quốc gia đi qua tỉnh Thái Bình thể hiện tuyến đi lên phía Bắc, kết nối với vùng kinh tế phía Tây của Thành phố Hải Phòng và cắt qua rất nhiều tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh. Cơ quan lập quy hoạch đề xuất tuyến đi theo tuyến đường cao tốc CT.08 vừa phù hợp định hướng tuyến đường sắt ven biển góp phần thúc đẩy hành lang kinh tế ven biển, vừa kết nối thuận lợi và san sẻ thị phần vận tải hàng hóa với CT.08, ít giao cắt với các trục đường tỉnh và đường huyện, vừa ở khu vực ngoại biên nên thuận lợi về GPMB. Đề nghị chuyên gia và Hội đồng xem xét.</p>
17	<p>+ Cần phân tích, đánh giá tác động của quy hoạch đầu tư phát triển các dự án điện gió ngoài khơi, trang 613, BCTH với tránh xung đột với hoạt động khai thác luồng hàng hải, vận tải ven biển. Do đó đề nghị bổ sung nội dung cụ thể phân tích MQH QH luồng tuyến vận tải ven biển và QH điện gió ngoài khơi “Giai đoạn 2021-2025: đầu tư Dự án nhà máy điện gió Tiên Hải; Giai đoạn 2026-2030: Các dự án điện gió trên bờ và ngoài khơi tỉnh Thái Bình 2026-2030 công suất 1.154MW, trong đó: Điện trên bờ công suất 154MW, điện gió ngoài khơi công suất khoảng 1000MW”.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và rà soát bổ sung.</p>
18	<p>+ Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Nhóm hạ tầng kỹ thuật, trang 827, đề nghị rà lại tiêu chí dự án ưu tiên cho phù hợp:  <u>Cao tốc</u>: trong bảng danh mục ưu tiên đầu tư trang 827-828 cập nhật tên các cao tốc, số hiệu cao tốc đúng theo Quy hoạch đường bộ Việt Nam được TTCP phê duyệt tại QĐ 1454 như: cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng (CT08)... ; đường tỉnh đang ghi lẫn là đường nội tỉnh không đúng theo phân loại đường bộ; và phân loại theo nhóm cao tốc, quốc lộ; nhóm đường tỉnh; nhóm hạ tầng cảng biển; nhóm hạ tầng cảng thủy nội địa; ... đang để lẫn lộn và chưa rõ ràng.  <u>Đối với dự án lĩnh vực hàng không, mục 1.11</u>: sân bay lưỡng dụng: ghi khi có nhu cầu là chưa ổn, vậy không phải là dự án ưu tiên đầu tư.  “Cột <u>Giai đoạn triển khai</u>” của Bảng danh mục dự án ưu tiên đầu tư : cần nghiên cứu thêm sửa thành “cột Tiến trình đầu tư” cho phản ánh đúng lộ trình ưu tiên, giai đoạn ưu tiên.  <u>Nhằm lẫn</u>: cho cả hạ tầng Ống dẫn khí (mục 1.12- Danh mục dự án ưu tiên) xem xét có lẽ ở mục của bên hạ tầng Năng lượng.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu và rà soát chỉnh sửa.</p>
19	<p><b>(4) Phần Giải pháp huy động nguồn lực, mục 1.2 trang 835-837, BCTH</b>: đề nghị rà soát, cập nhật thêm các giải pháp phân cấp, phân quyền cho địa phương chủ động trong kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án phát triển hạ tầng theo hình thức PPP.</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch xin tiếp thu rà soát, cập nhật</p>
20	<p><b>(5) Về Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch</b>: Đề nghị bổ sung nội dung về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch vào báo cáo tổng hợp theo quy định tại Điều 40 – Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, cụ thể:</p>	<p>Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình thêm: Các thuật ngữ như chuyên gia nêu đã được tiếp thu từ các kỳ báo cáo trước và chỉnh sửa. Nội dung nêu có thể do sơ xuất của tư vấn chưa thay thế hết các bản đồ, đơn vị xin tiếp thu và sẽ lưu ý rà soát. Nội dung giao thông đã được tiếp thu và cập nhật đầy đủ.</p>
	<p>+ Bổ sung tỷ lệ bản đồ còn thiếu, chưa đúng quy định</p>	
	<p>+ Sửa lại thuật ngữ chuyên môn trong phần Ghi chú: của bản đồ như: cao tốc nội tỉnh là không có; đường gom vùng cũng không có trong phân loại đường bộ.....</p>	

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
	+ Bổ sung kí hiệu hệ thống giao thông tĩnh trên bản đồ: các bến xe.	
	<b>VỀ NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (DMC) CỦA QUY HOẠCH TỈNH THÁI BÌNH</b>	
21	Về nội dung chuyên môn báo cáo DMC: không có ý kiến	
22	Đề nghị cập nhật các nội dung sao cho thống nhất với báo cáo tổng hợp	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và cập nhật báo cáo DMC theo nội dung báo cáo tổng hợp.
23	Đề nghị làm rõ căn cứ/số liệu đầu vào của bảng dự báo số lượng phương tiện giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2030 để tăng độ tin cậy cho báo cáo và khớp đồng bộ các nội dung trong báo cáo QH tỉnh với Báo cáo DMC về các nội dung số liệu liên quan	
	<b>Kết luận</b>	
24	Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thái Bình cơ bản đã được tiếp thu chỉnh sửa, tuy nhiên báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Bình còn một số nội dung chưa tường minh, cần nghiên cứu rà soát kỹ và chỉnh sửa/bổ sung như đánh giá/góp ý chi tiết trên đây để đảm bảo yêu cầu tích hợp tốt các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch tỉnh.	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến